HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – BÙI HỒNG QUÂN (Chủ biên)
ĐÀO LÊ HOÀ AN – TRẦN TUẤN ANH – NGUYỄN THANH HUÂN
ĐỖ CÔNG NAM – CAO THÀNH TẤN

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

SÁCH GIÁO VIÊN

8



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – BÙI HỒNG QUÂN (Chủ biên)
ĐÀO LÊ HOÀ AN – TRẦN TUẤN ANH – NGUYỄN THANH HUÂN
ĐỖ CÔNG NAM – CAO THÀNH TẤN

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

SÁCH GIÁO VIÊN

8

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU – VŨ TRỌNG THANH
Thiết kế sách: PHẠM HOÀI THƯƠNG
Trình bày bìa: TÓNG THANH THẢO
Sửa bản in: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XBGD GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8 — SÁCH GIÁO VIÊN
(CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)
Mã số: G2HG8G001M23
In ..... bản, (QĐ in số .....) khổ 19 x 26,5 cm
Đơn vị in: .....
Địa chỉ: .....
Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/56-2157/GD
Số QĐXB: ....., ngày .... tháng .... năm 20...
In xong và nộp lưu chiểu tháng .... năm 20...
Mã số ISBN: 978-604-0-35258-3

Lời mở đầu

Quý thầy cô thân mến!

Với mong muốn đồng hành cùng quý thầy cô giáo dạy môn Giáo dục công dân, nhóm tác giả sách giáo khoa *Giáo dục công dân 8*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tâm huyết, đầu tư biên soạn *Giáo dục công dân 8 – Sách giáo viên*. Sách bao gồm: một số vấn đề cơ bản của phương pháp, kĩ thuật dạy học *Giáo dục công dân 8* và những vấn đề có liên quan đến việc xây dựng kế hoạch bài dạy, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học này.

Sách giáo viên khai thác theo hướng thiết thực và hiệu quả cho việc dạy và học môn này, cụ thể như sau:

Phần nội dung chung: các vấn đề cơ bản đảm bảo phù hợp với định hướng dạy học phát triển phẩm chất, năng lực và nhất quán với các chuyên đề bồi dưỡng phục vụ triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên cả nước.

Phần nội dung cụ thể: nhóm tác giả tập trung vào các tri thức cơ bản, kèm theo đó là các ví dụ minh hoạ cụ thể và các gợi mở để khai thác, tổ chức các chủ đề, bài học cụ thể.

Với mỗi bài học, chủ đề cụ thể, nhóm tác giả đã tập trung khai thác cách thức tổ chức các hoạt động của giáo viên theo phương châm lấy học sinh làm trung tâm. Trên cơ sở đó, các thầy cô có thể tiến hành theo điều kiện cụ thể của nhà trường và thế mạnh của bản thân, nhất là dựa trên phẩm chất, năng lực của học sinh để phát triển các em, nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt đã đề ra.

Rất mong cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành cùng với quý thầy cô. Những nội dung trong sách giáo viên sẽ là những định hướng, gợi mở thú vị để các thầy cô tạo nên những tiết học ý nghĩa, tạo được những cảm xúc tích cực cho giáo viên và học sinh.

Chúc quý thầy cô sẽ có những kế hoạch bài dạy thật hiệu quả!

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8 5

1. Vị trí và mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân 5
2. Yêu cầu cần đạt của việc dạy học môn Giáo dục công dân 5
3. Nội dung môn Giáo dục công dân 7
4. Cấu trúc và nội dung sách giáo khoa Giáo dục công dân 8 8
5. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 8 28
6. Đánh giá kết quả giáo dục 31
7. Hướng dẫn đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân lớp 8 31
8. Tài nguyên dạy học 37
9. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học 37

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8 41

Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam 41
Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc 49
Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo 57
Bài 4: Bảo vệ lẽ phải 64
Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên 71
Bài 6: Xác định mục tiêu cá nhân 80
Bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình 88
Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu 97
Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại 104
Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân 115

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

GDCD	: Giáo dục công dân	SGV	: Sách giáo viên
GV	: Giáo viên	THCS	: Trung học cơ sở
HS	: Học sinh	THPT	: Trung học phổ thông
SBT	: Sách bài tập	Tr.	: Trang
SGK	: Sách giáo khoa		

PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8

1. VỊ TRÍ VÀ MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (gồm Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD, môn GDCD được hợp thành từ ba môn học ở ba cấp học: Đạo đức (cấp Tiểu học), GDCD (cấp THCS) và Giáo dục kinh tế và pháp luật (cấp THPT).

Ở cấp THCS, môn GDCD giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh (HS) tiếp cận hai mục tiêu nhằm hình thành, phát triển ý thức và các chuẩn mực thái độ, hành vi của người công dân:

1. Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản cũng như giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó nhằm khơi dậy lòng tự hào về truyền thống quê hương; biết bảo tồn di sản văn hoá; biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; rèn luyện tính tự giác, tích cực trong học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, biết cách ứng xử trước các hiện tượng, sự kiện xảy ra trong cuộc sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội cũng như môi trường sống xung quanh.

2. Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu và kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ, hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với biến đổi xã hội và giải quyết được các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA VIỆC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn GDCD một mặt cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác góp phần giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); mặt khác, tập trung giúp HS hình thành, phát triển các năng lực đặc thù của môn học (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội).

Ở cấp THCS, yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù được Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD quy định như sau:

2.1. Năng lực điều chỉnh hành vi

a. Nhận thức chuẩn mực hành vi

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản về nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận thức được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

b. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

c. Điều chỉnh hành vi

– Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng tới các giá trị tốt đẹp.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

– Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

2.2. Năng lực phát triển bản thân

a. Tự nhận thức bản thân

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

b. Lập kế hoạch phát triển bản thân

– Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

– Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

c. Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân

– Kiên trì hoàn thành mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

2.3. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

a. Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội

– Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.

– Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

b. Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

– Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

– Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.

– Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

3. NỘI DUNG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Đối với cấp THCS, trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn GDCD quy định nội dung giáo dục bao gồm:

– Giáo dục đạo đức: trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Giáo dục kĩ năng sống: trọng tâm là các kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân và tự bảo vệ.

– Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng, chi tiêu cá nhân.

– Giáo dục pháp luật: chủ yếu là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học môn GDCD lớp 8 được quy định qua 10 chủ đề cụ thể bao gồm: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam; Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc; Lao động cần cù, sáng tạo; Bảo vệ lẽ phải; Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Xác định mục tiêu cá nhân; Phòng, chống bạo lực gia đình; Lập kế hoạch chi tiêu; Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

4. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

4.1. Cấu trúc chung của sách giáo khoa Giáo dục công dân 8

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS và thời lượng tiết học ở bậc THCS, đồng thời, đảm bảo thể hiện chính xác, đầy đủ, rõ ràng nội dung và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực HS của chương trình, SGK GDCD 8 được chia thành 10 bài học dựa trên 10 chủ đề đã quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD. Cụ thể như sau:

Bài 1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

Bài 2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc

Bài 3. Lao động cần cù, sáng tạo

Bài 4. Bảo vệ lẽ phải

Bài 5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Bài 6. Xác định mục tiêu cá nhân

Bài 7. Phòng, chống bạo lực gia đình

Bài 8. Lập kế hoạch chi tiêu

Bài 9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

Bài 10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

Như vậy, thời lượng phân bổ cho các chủ đề/ bài học như sau:

Nội dung	Chủ đề	Tên bài học	Số tiết
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%) 12,5 tiết	Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	3 tiết
	Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	3 tiết
	Lao động cần cù, sáng tạo	Lao động cần cù, sáng tạo	2 tiết
	Bảo vệ lẽ phải	Bảo vệ lẽ phải	2 tiết
	Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	2,5 tiết

– Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 1 tiết – Kiểm tra, đánh giá: 1 tiết			
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG 20% (7 tiết)	Xác định mục tiêu cá nhân	Xác định mục tiêu cá nhân	3 tiết
	Phòng, chống bạo lực gia đình	Phòng, chống bạo lực gia đình	4 tiết
GIÁO DỤC KINH TẾ 10% (3,5 tiết)	Lập kế hoạch chi tiêu	Lập kế hoạch chi tiêu	3,5 tiết
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT 25% (8,5 tiết)	Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	4,5 tiết
	Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	4 tiết
– Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 1 tiết – Kiểm tra, đánh giá: 1 tiết			
Tổng số tiết: 35 tiết; Lên lớp bài dạy: 31 tiết; Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 2 tiết; Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết.			

Theo cách thiết kế trên, cấu trúc nội dung và phân bổ thời lượng dạy học trong SGK GDCD 8 đã đáp ứng quy định của chương trình môn học. Tuy nhiên, đây chỉ là cấu trúc và phân bổ mang tính định hướng, do đó, khi thực hiện, GV có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt đã quy định trong chương trình và năng lực thực sự của HS cũng như thực tế dạy học ở mỗi lớp để chủ động thiết kế kế hoạch dạy học, sắp xếp nội dung và phân bố thời lượng một cách thích hợp với sự đồng thuận của GV bộ môn và Ban Giám hiệu nhà trường.

4.2. Cấu trúc bài học và các hoạt động dạy học môn Giáo dục công dân lớp 8

Dựa trên cơ sở *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia thẩm định SGK* * (sau đây viết gọn là *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*): "Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng" (mục 2, Điều 7), bài học trong SGK GDCD 8 bao gồm 4 thành phần cơ bản: *Mở đầu*, *Khám phá*, *Luyện tập* và *Vận dụng*.

* Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– *Mở đầu:*

+ GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS huy động kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng để bộc lộ cảm xúc và hiểu biết về những vấn đề liên quan đến chủ đề/ bài học. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, hoạt động giáo dục nếu gắn liền với những cảm xúc tích cực thì mới đạt hiệu quả cao.

+ Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới việc khai thác, khơi dậy cảm xúc, hiểu biết của các em như: em rút ra được điều gì?; em liên hệ đến điều gì hay em cảm thấy như thế nào?;…

– *Khám phá:*

+ GV tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá kiến thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp. Từ đó, HS hình thành được phẩm chất, năng lực cụ thể gắn với yêu cầu cần đạt ở từng đề tài, chủ đề.

+ Những câu hỏi, yêu cầu thường đặt ra ở giai đoạn này là: em hãy chỉ ra những biểu hiện …; theo em, cách xử lí nào là phù hợp …?; em hãy xác định quy trình phù hợp …; em nên làm gì?;…

– *Luyện tập:*

+ Trên cơ sở nhận thức rõ được biểu hiện, nguyên nhân, quy trình, cách thức thực hiện, GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở các hoạt động trước vào từng tình huống, hoàn cảnh cụ thể để xác định được hành động phù hợp. Hoạt động *Luyện tập* cần thể hiện được động cơ tích cực từ bên trong của HS để giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với yêu cầu về phẩm chất, năng lực theo từng đề tài, chủ đề.

+ GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống có thực hoặc giả định.

– *Vận dụng:*

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học). Hoạt động này giúp HS hình thành, rèn luyện thói quen thực hiện hành vi tích cực, phù hợp với quy định của pháp luật và chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

4.3. Ma trận chung chủ đề/ bài học – Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt / Chủ đề/ bài học	1	2	3	4	5	6
Bài 1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.	Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam.	Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.	Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.	Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.	
Bài 2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.	Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.	Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.	Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.		
Bài 3. Lao động cần cù, sáng tạo	Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.	Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.	Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân.	Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.		

Chân trời sáng tạo

Bài 4. Bảo vệ lẽ phải	Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.	Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.			
Bài 5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.	Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.	
Bài 6. Xác định mục tiêu cá nhân	Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.	Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.	Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.	Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.		
Bài 7. Phòng, chống bạo lực gia đình	Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến.	Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.	Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.	Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.	Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.	
Bài 8. Lập kế hoạch chi tiêu	Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.	Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu.	Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.	Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.		

Bài 9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.	Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.	Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.	Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.	Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.	Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
Bài 10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.	Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.	Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.	Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.		

4.4. Ma trận yêu cầu cần đạt và các hoạt động cụ thể từng chủ đề/ bài học

CHỦ ĐỀ 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VIỆT NAM

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Ghép các chữ cái chung nhóm màu thành những từ có ý nghĩa về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Hoạt động 2. Đọc bài đồng dao, quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 3. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về truyền thống của dân tộc Việt Nam và giải thích ý nghĩa.

– Hoạt động 5. Đọc nhận định và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 6. Đọc lời bài hát và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 7. Cho biết việc làm nào thể hiện sự kế thừa, phát huy truyền thống của dân tộc. Giải thích vì sao.

– Hoạt động 8. Viết đoạn văn bày tỏ lòng tự hào của bản thân đối với một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và đề xuất những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống đó trong thời kì hội nhập, phát triển.

– Hoạt động 9. Làm việc nhóm để xây dựng kế hoạch và thực hiện hành động cụ thể nhằm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam (truyền thống hiếu học, yêu nước, hiếu thảo,...).

– Hoạt động 10. Tuyên truyền, quảng bá về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam bằng những sản phẩm như: báo tường, đoạn phim ngắn, âm nhạc,...

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5
Hoạt động 1	x				
Hoạt động 2	x	x			
Hoạt động 3			x	x	
Hoạt động 4	x	x			
Hoạt động 5		x			x
Hoạt động 6				x	x
Hoạt động 7				x	x
Hoạt động 8					x
Hoạt động 9					x
Hoạt động 10	x				x

Chân trời sáng tạo

CHỦ ĐỀ 2: TÔN TRỌNG SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC DÂN TỘC

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

– Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

– Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

– Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Kể tên các quốc gia gắn liền với biểu tượng văn hoá, du lịch trong các hình ảnh và chia sẻ hiểu biết về các biểu tượng đó.

– Hoạt động 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Quan sát các hình ảnh và đọc thông tin để thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 5. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 6. Bày tỏ quan điểm đối với những ý kiến.

– Hoạt động 7. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 8. Dựa vào thông tin, thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

– Hoạt động 9. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 10. Lựa chọn nét đặc sắc về văn hoá của một dân tộc trên thế giới và chia sẻ với bạn.

– Hoạt động 11. Làm việc nhóm để xây dựng một tiểu phẩm và sắm vai trước lớp nhằm phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc, văn hoá.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1	x			
Hoạt động 2	x	x		
Hoạt động 3	x			
Hoạt động 4		x		
Hoạt động 5			x	x
Hoạt động 6	x		x	x
Hoạt động 7	x	x		
Hoạt động 8		x	x	
Hoạt động 9				x
Hoạt động 10	x			
Hoạt động 11				x

CHỦ ĐỀ 3: LAO ĐỘNG CẦN CÙ, SÁNG TẠO

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Lao động cần cù, sáng tạo

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

– Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

– Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân.

– Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Đọc và nêu ý nghĩa của các câu tục ngữ.

– Hoạt động 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 5. Đọc quan điểm và xây dựng, trình bày bài thuyết trình để thể hiện suy nghĩ của mình.

– Hoạt động 6. Chỉ ra những việc làm thể hiện sự cần cù, sáng tạo và những việc làm không thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động. Giải thích vì sao.

– Hoạt động 7. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 8. Kể tên những việc làm cụ thể để thể hiện sự cần cù, sáng tạo của bản thân trong học tập và cuộc sống.

– Hoạt động 9. Cùng nhóm bạn thực hiện một sản phẩm (viết lời cho đoạn nhạc, sáng tác bài thơ, vè, điệu lí,...) có nội dung là những kiến thức cần ghi nhớ của một bài học trong môn học thuộc chương trình lớp 8. Sau đó, chia sẻ với các bạn để cùng nhau áp dụng.

– Hoạt động 10. Sưu tầm câu chuyện về tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động. Từ đó, xây dựng kế hoạch rèn luyện cho bản thân.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1		x		
Hoạt động 2	x			
Hoạt động 3	x	x		
Hoạt động 4	x		x	
Hoạt động 5	x			
Hoạt động 6			x	x
Hoạt động 7				x
Hoạt động 8			x	
Hoạt động 9			x	
Hoạt động 10			x	x

Chân trời sáng tạo

CHỦ ĐỀ 4: BẢO VỆ LẼ PHẢI

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Bảo vệ lẽ phải

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

– Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

– Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Quan sát hình ảnh và nhận xét về hành động của hai bạn HS.

– Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 5. Bày tỏ quan điểm đối với những ý kiến.

– Hoạt động 6. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 7. Sắm vai để giải quyết các tình huống.

– Hoạt động 8. Sưu tầm những câu chuyện về các tấm gương, nhân vật bảo vệ lẽ phải. Từ đó, rút ra bài học và xây dựng kế hoạch rèn luyện cho bản thân.

– Hoạt động 9. Viết một bản cam kết về sự trung thực trong học tập và thực hiện trong suốt năm học.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3
Hoạt động 1		x	
Hoạt động 2	x		
Hoạt động 3		x	x
Hoạt động 4			x
Hoạt động 5	x	x	
Hoạt động 6		x	
Hoạt động 7			x
Hoạt động 8		x	
Hoạt động 9		x	

CHỦ ĐỀ 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

– Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Gọi tên các hình ảnh và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 2. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Đọc các thông tin và trường hợp để thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 5. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 6. Nêu quan điểm của bản thân về các ý kiến và giải thích.

– Hoạt động 7. Cho biết hành vi nào phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Hoạt động 8. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 9. Chọn một phong trào hoặc hành động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên mà em ấn tượng để thuyết trình nhằm truyền cảm hứng cho bạn bè cùng chung tay thực hiện hoạt động này.

– Hoạt động 10. Thực hiện những việc làm phù hợp (dọn dẹp vệ sinh, trồng và chăm sóc cây xanh, nhắc nhở bạn bè, em nhỏ,…) để góp phần bảo vệ môi trường tại nơi em sinh sống và chia sẻ kết quả với mọi người.

– Hoạt động 11. Cùng bạn thiết kế một số đồ dùng, dụng cụ học tập sáng tạo từ những vật dụng đã qua sử dụng để tuyên truyền về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5
Hoạt động 1	x				
Hoạt động 2	x				
Hoạt động 3		x			
Hoạt động 4			x	x	
Hoạt động 5				x	x
Hoạt động 6	x		x	x	
Hoạt động 7		x			x
Hoạt động 8				x	x
Hoạt động 9				x	
Hoạt động 10				x	
Hoạt động 11			x		x

CHỦ ĐỀ 6: XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CÁ NHÂN

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Xác định mục tiêu cá nhân

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.

– Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.

– Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

– Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Viết hoặc vẽ về "Chân dung tuổi 15" của mình và chia sẻ với bạn.

– Hoạt động 2. Đọc trường hợp và quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 4. Thảo luận về trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 5. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 6. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến.

– Hoạt động 7. Đọc nhận định để xây dựng bản thuyết trình về vai trò của việc xác định mục tiêu cá nhân.

– Hoạt động 8. Sắm vai để giải quyết các tình huống.

– Hoạt động 9. Xác định mục tiêu ngắn hạn, dài hạn trong học tập và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu đó. Sau đó, chia sẻ với bạn để cùng động viên nhau thực hiện.

– Hoạt động 10. Xây dựng và thực hiện kế hoạch để hoàn thành mục tiêu của bản thân và chia sẻ kết quả thực hiện của mình.

– Hoạt động 11. Nêu một hạn chế của bản thân mà em muốn khắc phục và lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó trong một tháng, sau đó chia sẻ kết quả với bạn.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1	x			
Hoạt động 2	x			
Hoạt động 3		x		
Hoạt động 4			x	
Hoạt động 5			x	
Hoạt động 6	x		x	
Hoạt động 7		x		
Hoạt động 8			x	
Hoạt động 9			x	x
Hoạt động 10				x
Hoạt động 11				x

Chân trời sáng tạo

CHỦ ĐỀ 7: PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Phòng, chống bạo lực gia đình

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến.

– Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

– Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

– Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.

– Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Đọc các câu ca dao, tục ngữ và rút ra ý nghĩa về mối quan hệ, ứng xử giữa các thành viên trong gia đình.

– Hoạt động 2. Quan sát các hình ảnh, đọc trường hợp và thông tin để thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 3. Đọc thông tin và trường hợp để thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc và sắp xếp các hành động theo trình tự trước, trong và sau khi xảy ra bạo lực gia đình.

– Hoạt động 5. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 6. Nêu quan điểm của bản thân về các ý kiến và giải thích.

– Hoạt động 7. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 8. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 9. Sắm vai và xử lí tình huống.

– Hoạt động 10. Cùng với bạn làm một sản phẩm (báo tường, cẩm nang/ sổ tay bằng giấy hoặc điện tử,...) để tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình.

– Hoạt động 11. Chọn một trường hợp bạo lực gia đình để phân tích nguyên nhân, hậu quả, rút ra bài học về những biện pháp để phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp.

Chân trời sáng tạo

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5
Hoạt động 1	x				
Hoạt động 2	x	x			
Hoạt động 3			x		
Hoạt động 4				x	
Hoạt động 5				x	x
Hoạt động 6	x			x	
Hoạt động 7		x			
Hoạt động 8				x	x
Hoạt động 9		x	x	x	
Hoạt động 10				x	x
Hoạt động 11			x	x	x

CHỦ ĐỀ 8: LẬP KẾ HOẠCH CHI TIÊU

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Lập kế hoạch chi tiêu

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

– Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu.

– Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.

– Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Đọc nội dung các bước lập kế hoạch chi tiêu và trường hợp để thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 5. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến.

– Hoạt động 6. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 7. Cùng bạn sắm vai và xử lí các tình huống.

– Hoạt động 8. Lập kế hoạch chi tiêu theo năm bước để thực hiện một mục tiêu cụ thể (tổ chức sinh nhật, mua quà,...).

– Hoạt động 9. Tự đánh giá thói quen chi tiêu của bản thân và điều chỉnh sao cho hợp lí.

– Hoạt động 10. Chọn một bạn trong lớp để giúp nhau xây dựng kế hoạch chi tiêu và nhắc nhở nhau thực hiện trong một tháng.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1	x			
Hoạt động 2	x			
Hoạt động 3		x		x
Hoạt động 4			x	
Hoạt động 5	x	x		
Hoạt động 6			x	x
Hoạt động 7			x	x
Hoạt động 8			x	
Hoạt động 9			x	
Hoạt động 10			x	x

Chân trời sáng tạo

CHỦ ĐỀ 9: PHÒNG NGỪA TAI NẠN VŨ KHÍ, CHÁY, NỔ VÀ CÁC CHẤT ĐỘC HẠI

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.

– Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.

– Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Quan sát các hình ảnh và cho biết nếu cá nhân thực hiện sẽ dẫn đến nguy cơ gì đối với bản thân và những người xung quanh.

– Hoạt động 2. Đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Đọc các thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 5. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 6. Đưa ra quan điểm đối với các ý kiến.

– Hoạt động 7. Đọc các hành vi và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 8. Kể những nguy cơ có thể gây tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại có trong gia đình em. Cho biết bản thân em cần làm gì để góp phần phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Hoạt động 9. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 10. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 11. Thiết kế tờ gấp có nội dung quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại để tuyên truyền cho các bạn HS trong trường của mình.

– Hoạt động 12. Làm việc nhóm để xây dựng một tiểu phẩm và sắm vai trước lớp với nội dung nhắc nhở người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5	YCCĐ 6
Hoạt động 1	x					
Hoạt động 2	x	x				
Hoạt động 3			x			
Hoạt động 4				x		
Hoạt động 5					x	x
Hoạt động 6		x	x			x
Hoạt động 7		x	x			
Hoạt động 8	x			x		x
Hoạt động 9					x	x
Hoạt động 10	x	x	x			x
Hoạt động 11			x			x
Hoạt động 12						x

CHỦ ĐỀ 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

– Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.

– Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

– Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Đọc và rút ra ý nghĩa của câu ca dao về lao động.

– Hoạt động 2. Quan sát các hình ảnh và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 3. Đọc các thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Đọc thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 5. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 6. Nêu quan điểm của bản thân về các ý kiến và giải thích.

– Hoạt động 7. Đọc nội dung để xây dựng và thực hiện bài thuyết trình trước lớp về vị trí, tầm quan trọng của lao động trong cuộc sống.

– Hoạt động 8. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 9. Đọc các trường hợp và cho biết đâu là nghĩa vụ của người lao động. Giải thích vì sao.

– Hoạt động 10. Cho biết hành vi nào vi phạm pháp luật lao động trong các trường hợp. Giải thích vì sao.

– Hoạt động 11. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 12. Lập một hợp đồng lao động có nội dung đơn giản theo quy định của pháp luật.

– Hoạt động 13. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 100 chữ) thể hiện suy nghĩ của em về vai trò của lao động đối với HS nói riêng và đời sống con người nói chung.

– Hoạt động 14: Xây dựng kế hoạch để thực hiện lao động ở gia đình, trường, lớp, cộng đồng nhằm góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1	x			
Hoạt động 2	x			
Hoạt động 3		x		
Hoạt động 4			x	
Hoạt động 5		x	x	
Hoạt động 6	x	x	x	
Hoạt động 7	x			

Hoạt động 8		x	x	
Hoạt động 9		x	x	
Hoạt động 10		x	x	
Hoạt động 11				x
Hoạt động 12			x	
Hoạt động 13	x			
Hoạt động 14				x

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8

5.1. Định hướng chung

Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD đã giới thiệu một cách khái quát bốn nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lí tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực trong môn GDCD, trên cơ sở đó, giúp hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn GDCD như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương, trải nghiệm, xử lí tình huống, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án, thực hành,…

– Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS khi triển khai môn GDCD.

– Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội khi tổ chức dạy học môn GDCD.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học thông qua môn GDCD với các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, thay cho cách tiếp cận "HS biết cái gì từ những điều đã học?", Chương trình Giáo dục phổ thông hiện nay chú trọng đến mục tiêu là "HS làm gì, làm thế nào từ những điều đã học?". Do vậy, tinh thần của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực được vận dụng trong môn GDCD là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình, giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tình huống thực tế cuộc sống và thông qua kĩ năng giải quyết các tình huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức môn GDCD cho riêng mình;...

Thứ hai, những yêu cầu cơ bản đối với phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực ứng dụng trong môn GDCD là:

– Quá trình dạy học môn GDCD được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó, giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.

– Trong quá trình dạy học môn GDCD, GV tổ chức hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không phải chỉ biết kiến thức, kĩ năng chuyên biệt của môn học.

– Mục tiêu dạy học của môn GDCD là nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; tạo điều kiện để HS biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kĩ năng mới. Qua đó, phát triển được những năng lực cần thiết trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống, đây cũng chính là hướng đến chuẩn đầu ra yêu cầu cần đạt một cách chặt chẽ và khoa học.

Thứ ba, để đáp ứng những yêu cầu cơ bản trên, bản chất của đổi mới phương pháp dạy học trong việc dạy môn GDCD không phải thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không mà là ở thực tiễn hành động của người GV dạy môn GDCD: các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức – kĩ năng, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt HS vào các tình huống của thực tiễn đời sống để yêu cầu phát biểu suy nghĩ, cảm xúc và đề xuất các giải pháp hành động,... cũng như biết phải hành động như thế nào cho phù hợp không.

Nói cách khác, đổi mới phương pháp dạy học môn GDCD không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và hiệu quả của nó đối với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV tổ chức các hoạt động học tập môn GDCD cho HS theo tinh thần chú ý đến việc rèn luyện

phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học tập theo nhóm, theo lớp); chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kĩ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hoà với các phương pháp dạy học truyền thống;... thì khi đó mới có thể nói được là GV đã thực sự đổi mới phương pháp dạy học nói chung và đổi mới phương pháp dạy học môn GDCD lớp 8 nói riêng.

5.2. Định hướng dạy học

Khi sử dụng SGK GDCD 8, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần chú ý thêm một số điểm sau:

– SGK GDCD 8 khai thác kênh chữ và kênh hình với nhiều tính chất, nội dung, chức năng khác nhau (minh hoạ nội dung, diễn tả tình huống,...). Do đó, GV cần hiểu được tính chất, nội dung, chức năng của từng hình ảnh, chuỗi hình ảnh để có hướng khai thác một cách chính xác và hiệu quả nhất.

– SGK GDCD 8 sử dụng hệ thống câu hỏi ở các mức độ khác nhau (nhận biết, lựa chọn đúng/ sai, phân biệt lợi ích/ tác hại của ứng xử theo chuẩn mực hành vi/ không theo chuẩn mực hành vi,...). GV cần phân biệt tính chất, độ khó của câu hỏi và chủ động quan sát lớp học để kịp thời gợi ý, hỗ trợ HS trả lời, tránh việc để HS bị áp lực khi khám phá nội dung bài học và không để lớp học rơi vào những khoảng trống nặng nề.

– SGK GDCD 8 có khai thác một số hoạt động sắm vai để giúp HS luyện tập, thực hành một cách sinh động, hấp dẫn. GV cần chủ động tổ chức để HS có sự chuẩn bị (hoặc gợi mở HS tự chuẩn bị) về: đạo cụ, trang phục, không gian,... để hoạt động này có thể diễn ra nhanh gọn, an toàn, hấp dẫn, đúng mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

– SGK GDCD 8 có một số hoạt động thảo luận, chia sẻ. GV cần chú ý đến việc linh hoạt trong cách chia nhóm (nhóm lớn, nhóm nhỏ, nhóm cố định, nhóm theo giới tính, nhóm theo sở thích,... và luân phiên, linh hoạt); theo dõi và phát triển các quan hệ giao tiếp, hợp tác cũng như các biểu hiện của sự nhường nhịn, hoà nhã; khuyến khích HS đề xuất và trao đổi, lựa chọn cách xử lí đối với một số tình huống cụ thể, gần gũi với đời sống và phù hợp với HS,... để quá trình dạy học môn GDCD đồng thời đạt được nhiều mục tiêu.

Ngoài ra, vì Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD, cũng như chương trình các môn học khác đều được xây dựng theo hướng mở (chỉ quy định những yêu cầu cần đạt và những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt), cho nên trong quá trình sử dụng SGK GDCD 8, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, GV hoàn toàn có thể chủ động, sáng tạo trong việc mở rộng, thay thế một số phương thức khác của một vài hoạt động trong chủ đề,... trên tinh thần đúng yêu cầu cần đạt, phù hợp với đặc điểm HS, đảm bảo tương thích với chủ đề và đạt hiệu quả dạy học cao nhất.

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá là quá trình thu thập, xử lí và phân tích thông tin về một vấn đề nhằm xác định các loại chỉ số (số lượng, chất lượng, giá trị) trong tương quan với mục tiêu đã đặt ra từ trước, từ đó, đưa ra những nhận xét, cảnh báo, khuyến nghị,... giúp hoàn thiện, cải thiện, nâng cao chất lượng công việc. Đánh giá kết quả giáo dục nói chung và đánh giá kết quả giáo dục môn học cũng dựa trên nền tảng của quan điểm này về đánh giá.

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời, cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lí giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn GDCD lớp 8 cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Để đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập môn GDCD của HS bậc THCS nói chung và lớp 8 nói riêng, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau:

– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn GDCD, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/ sai, nên/ không nên, đồng tình/ không đồng tình, có lợi/ có hại,...

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GDCD cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập môn học GDCD trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn học GDCD phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó, đánh giá của GV là quan trọng nhất.

7. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8

7.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học, nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân. Đồng thời, cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lí giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn GDCD cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Thời lượng dành cho đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD là 10% trong tổng số 35 tiết ở khối lớp 8 (tương đương với 4 tiết). Nội dung là đánh giá cuối học kì và cuối năm học dựa trên kết quả môn học GDCD lớp 8.

a. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả môn GDCD lớp 8 là hoạt động thu thập thông tin và so sánh mức độ đạt được của HS so với yêu cầu cần đạt của môn học, nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của HS, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Trên cơ sở đó, điều chỉnh hoạt động dạy học, cách tổ chức quản lí để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

b. Nguyên tắc đánh giá

– Cần lựa chọn công cụ đánh giá phù hợp. Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GDCD, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/ sai, nên/ không nên, đồng tình/ không đồng tình, có lợi/ có hại,…

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GDCD cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập môn học GDCD trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn học GDCD phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,…; trong đó, đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– Khi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chính thức thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về đánh giá kết quả giáo dục; GV dạy môn GDCD 8 cần cập nhật kịp thời để hoàn thiện việc đánh giá toàn diện HS ở môn học này, mà trực tiếp là *Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 Quy định về đánh giá HS THCS và THPT.*

c. Hình thức đánh giá

– Đánh giá thường xuyên:

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn GDCD được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: vấn đáp, thuyết trình, viết, sản phẩm học tập,…

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD, từ đó, tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này.

Trong việc đánh giá thường xuyên của môn học GDCD, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục khác, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học của môn GDCD về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn GDCD lớp 8 bao gồm: Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo quy định của chương trình gắn với từng bài học; Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng mục tiêu của từng bài GDCD, thậm chí, mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài GDCD đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến quá trình HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ).

Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định được mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau, nhờ đó, việc đánh giá mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi HS. Bởi vì, các bài học GDCD liên quan đến các mối quan hệ đa dạng của các em, trong đó, có nhiều mối quan hệ ngoài nhà trường – gia đình, hàng xóm láng giềng, công trình công cộng, môi trường,... Khi đó, HS thực hiện hành vi đạo đức mà không có mặt của thầy cô. Nhờ sự vận dụng, phối hợp các phương pháp, cộng với sự tham gia của các lực lượng giáo dục, cùng với việc tự đánh giá của HS thì hành vi của các em mới có thể được đánh giá khách quan.

Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn GDCD của mỗi em, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục những hạn chế để đạt được những yêu cầu theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn GDCD là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tuỳ tính chất các bài đạo đức, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục môn học GDCD.

– *Đánh giá định kì:*

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn học GDCD được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm: Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định theo các nội dung, bài đã học; Các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

– Hoàn thành tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn GDCD 8.

– Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn GDCD 8.

– Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn GDCD 8.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Những phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn GDCD là vấn đáp, kiểm tra viết, dự án học tập.

Theo *Thông tư số 22/2021/TT–BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021* của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá HS THCS và THPT, việc kiểm tra, đánh giá môn GDCD lớp 8 được kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập:

– Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn GDCD quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

– Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định ở Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

– Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của HS không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được GV dạy môn GDCD theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với GV chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

– Mục đích cuối cùng của môn học GDCD là hình thành và phát triển các nhận thức, hành vi phù hợp của người công dân cho HS. Do vậy, cần đánh giá cả về nhận thức và về hành vi thực hiện bài học của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

7.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

a. Phương pháp kiểm tra tự luận

Bài kiểm tra tự luận là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá bài làm của HS như nhớ lại, sắp xếp lại, vận dụng những tri thức và kĩ năng đã học vào việc suy luận, giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của câu hỏi kiểm tra (như trình bày, giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, làm bài tập thực hành,...). Phương pháp này giúp GV làm rõ không chỉ kết quả học tập môn GDCD lớp 8 mà còn là quá trình HS tư duy trong việc giải quyết các vấn đề của câu hỏi, bài tập đặt ra trong quá trình học tập môn học này.

Bài kiểm tra tự luận thường được vận dụng để kiểm tra, đánh giá trong, sau khi GV tiến hành một hoạt động, tiết học, bài học.

Có thể sử dụng bài kiểm tra tự luận để kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS. Cụ thể, đối với kiểm tra, đánh giá kiến thức, HS trả lời những câu hỏi liên quan đến sự cần thiết (ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện và tác hại của việc làm trái với bài học) và cách thực hiện (những hành vi, công việc cần làm, những hành động cần tránh theo bài học quy định).

Đối với kiểm tra, đánh giá kĩ năng, HS cần đánh giá hành vi (xác định hành vi đó là đúng hay sai và giải thích vì sao) hay xử lí tình huống (nêu cách xử lí tình huống và giải thích cách giải quyết của mình) liên quan đến bài học môn GDCD lớp 8.

b. Phương pháp trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là một phương pháp kiểm tra thông qua bài viết nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS với những câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập, về cơ bản, mang tính lựa chọn hoặc điền thêm một số từ.

Phương pháp này có hiệu quả đối với đánh giá kết quả, hạn chế trong việc đánh giá quá trình HS tư duy.

Trong dạy học môn GDCD lớp 8, trắc nghiệm khách quan có thể được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ và kĩ năng, hành vi của HS.

Để kiểm tra, đánh giá kiến thức, có thể sử dụng nhiều những dạng câu hỏi khác nhau. Tuy nhiên, đối với từng nội dung kiến thức cụ thể, để bảo đảm hiệu quả, cần vận dụng phù hợp. Cụ thể, với nội dung sự cần thiết thực hiện các hành vi gắn với từng bài học, dạng câu hỏi trắc nghiệm thường sử dụng là điền khuyết.

Để kiểm tra, đánh giá thái độ, bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS biết bày tỏ thái độ của mình (đồng ý, không đồng ý,...) với các ý kiến, quan niệm liên quan đến bài học.

Để kiểm tra, đánh giá các kĩ năng, có thể thực hiện thông qua dạng bài tập như nhận xét hành vi, xử lí tình huống, các dạng bài tập trắc nghiệm thường được sử dụng là điền đúng/ sai, nhiều lựa chọn,…

Đối với việc kiểm tra, đánh giá hành vi, HS cần tự đánh giá việc thực hiện hành vi liên quan đến bài học.

c. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp sử dụng các giác quan (chủ yếu là thị giác và thính giác) để xem xét, làm rõ sự vật, hiện tượng theo mục đích đã xác định.

Trong dạy học môn GDCD lớp 8, quan sát được sử dụng để kiểm tra, đánh giá cả quá trình và kết quả hoạt động của HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đề ra. Phương pháp quan sát chủ yếu nhằm kiểm tra, đánh giá những biểu hiện năng lực và thái độ, hành vi của HS theo từng hoạt động, bài học của môn GDCD lớp 8.

d. Phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp hỏi và đáp giữa GV và HS nhằm làm sáng tỏ quá trình học tập của HS và những kết quả đạt được.

Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập môn GDCD trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài,...

Trong dạy học môn GDCD lớp 8, phương pháp này giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ, kĩ năng, hành vi của HS liên quan đến bài học. Qua đó, GV có thể phát hiện không chỉ những kết quả học tập đó mà còn là quá trình HS tư duy (thường với câu hỏi "tại sao", qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

e. Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập

Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập dựa vào sản phẩm được HS làm ra, tạo nên theo bài học để xác định kết quả học tập của các em.

Trong dạy học môn GDCD lớp 8, những sản phẩm của HS có thể là kết quả các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn, thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống, dự án,... Khi đó, những sản phẩm hoạt động có thể được thể hiện qua:

– Các loại phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo).

– Hiện thực được cải tạo, nhất là kết quả của các hoạt động lao động (những sản phẩm này được GV quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp qua các bức ảnh).

– Tranh ảnh, thiệp, tranh tuyên truyền, cổ động,...

– Những đồ dùng (quần áo, sách vở,...), tiền bạc được HS quyên góp,...

Đối với sản phẩm là các phiếu học tập, GV nghe HS trình bày hoặc đọc kết quả được HS ghi trong phiếu, đối chiếu với đáp án (đối với làm việc cá nhân, thảo luận nhóm) hay những yêu cầu hoạt động (đối với các hoạt động điều tra, thực hiện hành vi đạo đức) để đưa ra quyết định xử lí thông tin một cách phù hợp.

Trong nhiều trường hợp, sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.

Đối với các sản phẩm là hiện thực được cải tạo, GV cần xem xét tình trạng của sự vật, hiện tượng sau khi HS thực hiện hành vi, công việc, đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện), với những yêu cầu của hoạt động. Nhờ đó, GV nắm bắt được thông tin về những hành vi, công việc các em đã thực hiện và kết quả đạt được.

8. TÀI NGUYÊN DẠY HỌC

Khi sử dụng SGK GDCD 8 làm tài liệu dạy học chính thức, ngoài cuốn SGV này, tài nguyên dạy học còn có: SBT GDCD 8.

SBT GDCD 8 là tài liệu bổ trợ đi kèm SGK GDCD 8 nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học. Tài liệu này được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 10 bài học trong SGK GDCD 8; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lí, thể chất HS; chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/ sai, nên/ không nên; nối chữ – hình, điền khuyết, trắc nghiệm, xử lí tình huống,…

Như vậy, có thể khẳng định nếu làm chủ được các vấn đề lí luận về dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học, làm chủ các chủ đề ở SGK, linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học môn học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học, GV bộ môn GDCD hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai môn học này trong quá trình dạy học thực tiễn.

9. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Một số học liệu, thiết bị dạy học phục vụ cho việc dạy học môn GDCD lớp 8 bao gồm: SGK GDCD 8, SBT GDCD 8, tranh ảnh minh hoạ, trò chơi ô chữ, sơ đồ tư duy,...

9.1. Sách Bài tập Giáo dục công dân 8

Khi sử dụng SGK GDCD 8 làm tài liệu dạy học chính thức, bên cạnh SGV, tài nguyên dạy học còn có SBT GDCD 8.

SBT GDCD 8 là tài liệu bổ trợ đi kèm SGK GDCD 8 nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học. Tài liệu này được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 10 bài học trong SGK GDCD 8; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lí, thể chất HS; chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/ sai, nên/ không nên, quan sát tranh, đọc truyện, xử lí tình huống,…

9.2. Tranh ảnh, video clip

Bên cạnh SGK, SGV, SBT GDCD 8, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam còn cung ứng bộ tranh, video clip thiết bị dạy học tối thiểu (ban hành kèm theo *Thông tư số 38/2021/TT– BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*). Bộ tranh, video clip, dụng cụ tương ứng đối với các bài như sau:

Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam, bộ tranh gồm ba tờ. Nội dung tranh thể hiện: Truyền thống giữ nước: Hình ảnh chiến sĩ đang bảo vệ biên cương, hải đảo; Truyền thống văn hoá: Lễ hội đền Hùng; Truyền thống hiếu học: Hình ảnh Văn miếu Quốc Tử Giám.

Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo, tranh gồm một tờ. Nội dung tranh thể hiện: Nhóm HS đang cần cù, sáng tạo chế tạo robot.

Bài 4: Bảo vệ lẽ phải, gồm các video clip về thể hiện tình huống thực tế: HS phê bình hành vi mở vở chép bài của bạn trong giờ kiểm tra; Một HS nam chạy đến bênh vực bạn HS đang đi trên đường bị một nhóm bạn trêu ghẹo, bắt nạt.

Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, bộ tranh gồm hai tờ. Nội dung tranh thể hiện: Hành vi đúng: mọi người tham gia tết trồng cây; Hành vi chưa đúng trong bảo vệ môi trường: chặt phá cây, săn bắt động vật hoang dã.

Bài 6: Xác định mục tiêu cá nhân, bộ tranh gồm hai tờ. Nội dung tranh thể hiện: Sơ đồ cách xác định mục tiêu cá nhân gồm các bước: Tầm quan trọng của mục tiêu; Đo lường mục tiêu; Các yếu tố đảm bảo mục tiêu: nguồn lực, phương tiện, nhân lực; Dự đoán rủi ro có thể gặp và cách khắc phục; Thời gian thực hiện. Sơ đồ cách lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu: Xác định khối lượng công việc cụ thể cần làm, phương tiện cần thiết, nhân lực thực hiện; Mốc thời gian phải hoàn thành; Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.

Bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình, tranh gồm một tờ. Nội dung tranh thể hiện lược đồ cách phòng, chống bạo lực gia đình: Duy trì sự tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, yêu thương của các thành viên trong gia đình; Không ngừng học tập nâng cao nhận thức, ngăn ngừa tư tưởng gia trưởng, lạc hậu; Xây dựng kế hoạch an toàn khi bị bạo lực gia đình: tránh cãi vã với người gây bạo lực, nghĩ đến một vài địa chỉ có thể tìm đến ở tạm trong vài ngày, biết số điện thoại để liên lạc với người có trách nhiệm hoà giải, bảo vệ như: đại diện chính quyền, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, cơ sở y tế gần nơi sinh sống,...

Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại, tranh gồm một tờ. Nội dung tranh thể hiện những việc cần làm để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại bao gồm: Không tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng

trái phép các loại vũ khí cháy nổ và các chất độc hại; Thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng ngừa vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác.

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn GDCD lớp 8 nhằm phát triển năng lực đặc thù của môn GDCD nói riêng:

– *Thứ nhất,* coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. GV cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học của từng bài học cụ thể. Trên cơ sở đó, xác định phương tiện, thiết bị cần sử dụng, cách thức và thời điểm sử dụng. Cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, linh hoạt hiệu quả trong tất cả các khâu của quá trình dạy học (hướng dẫn HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện và giải quyết vấn đề luyện tập, thực hành, vận dụng vào thực tiễn) tránh hình thức, tránh lạm dụng.

– *Thứ hai,* tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những "quan sát viên" bất đắc dĩ, mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó, giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực, rèn luyện kĩ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

– *Thứ ba,* khai thác thiết bị dạy học trong dạy học. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời, coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển). Các phương tiện và thiết bị dạy học hiện đại tác động mạnh mẽ tới việc đổi mới phương pháp dạy học. Việc khai thác các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại không chỉ giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, mà còn giúp GV tiết kiệm thời gian.

– *Thứ tư,* tăng cường thiết bị dạy học tự làm. Cần động viên, khuyến khích và phát triển các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS. Trong quá trình hình thành ý tưởng và thiết kế phương tiện, thiết bị, HS được rèn luyện ý thức chăm chỉ, tự giác, kĩ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Như vậy, hoạt động tự làm thiết bị của GV và HS không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– *Thứ năm,* phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học. Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó, trong dạy học, GV cần phối hợp sử dụng các loại thiết bị dạy học khác nhau (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp với thiết bị tự làm). Tuỳ vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lí, khoa học và sinh động.

– *Thứ sáu,* tuỳ theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan để hỗ trợ dạy học.

Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài giảng, tích cực sử dụng giáo án điện tử kết hợp với việc sử dụng thiết bị dạy học một cách linh hoạt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Tương ứng với từng chủ đề là những câu chuyện thực tế, hình ảnh bài báo, tranh vẽ minh hoạ để tăng tính trực quan, sinh động cho bài học.

Như vậy, có thể khẳng định rằng nếu làm chủ được các vấn đề lí luận về dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học, việc làm chủ các chủ đề trong SGK, đồng thời, linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học môn học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học thì GV dạy học môn GDCD hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai môn học này trong quá trình dạy học thực tiễn.

Chân trời sáng tạo

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

Bài 1

Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

– Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.

2. Về năng lực

Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

3. Về phẩm chất

– Yêu nước.

– Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh, video clip thể hiện nội dung về tự hào truyền thống dân tộc như: các nhân vật lịch sử, sự tương thân tương ái, các phong tục tập quán,...

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

Chân trời sáng tạo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Đọc lời dạy của Bác Hồ và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc lời dạy của Bác Hồ trong cuộc gặp gỡ các cán bộ của Đại đoàn 308 (Đại đoàn Quân Tiên Phong) tại Đền Giếng (thuộc Khu Di tích lịch sử Đền Hùng – Phú Thọ): *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"* và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Các truyền thống của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua lời dạy của Bác Hồ.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc lời dạy của Bác Hồ và trả lời câu hỏi: *Theo em, những truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc ta được thể hiện qua lời dạy của Bác Hồ?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc lời dạy của Bác Hồ và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá câu trả lời của HS. Các truyền thống của dân tộc Việt Nam như: yêu nước, đoàn kết, uống nước nhớ nguồn,... và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS xác định được nội dung bài học về các truyền thống của dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy ghép các chữ cái cùng nhóm màu thành những từ có nghĩa về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

c) Sản phẩm: Những từ ngữ có nghĩa về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho HS tham gia cá nhân hoặc chia lớp thành hai đội.

– GV phổ biến thể lệ: HS quan sát tranh và ghép các chữ cái cùng nhóm màu thành những từ có ý nghĩa về truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân/ đội nào kể tên đúng và nhanh hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu HS nêu câu trả lời và công bố kết quả cá nhân/ đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: Một số truyền thống của dân tộc Việt Nam như: yêu nước, hiếu thảo, hiếu học. Từ đó, GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: *Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1: Đọc bài đồng dao, quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy đọc bài đồng dao, quan sát hình ảnh trong SGK tr. 6 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc bài đồng dao, quan sát hình ảnh trong SGK tr. 6 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy chỉ ra những truyền thống của dân tộc Việt Nam được thể hiện trong bài đồng dao và các hình ảnh trên. Hãy nêu giá trị của những truyền thống đó.

– Hãy nêu những truyền thống khác của dân tộc Việt Nam mà em biết.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc bài đồng dao, quan sát hình ảnh trong SGK tr. 6 và thực hiện các yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những truyền thống của dân tộc Việt Nam như: tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn, đoàn kết, hiếu thảo,...

Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam; đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: Đọc các trường hợp trong SGK tr. 7 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Các biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam; những việc làm của HS và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy cho biết những biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc qua việc làm của các nhân vật trong các trường hợp trên.

– Em hãy kể những việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 bạn HS trình bày ý kiến đối với từng trường hợp trong SGK tr. 7.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá những câu trả lời phù hợp nhất và cùng HS rút ra những nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh. Các truyền thống của dân tộc Việt Nam được thể hiện trong các tình huống như: yêu nước, uống nước nhớ nguồn, hiếu học,...; Những việc làm thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam của HS và những người xung quanh có thể là: chịu khó học tập, làm việc; giúp đỡ người khó khăn; hiếu thảo với cha mẹ;...

– Dân tộc Việt Nam có nhiều truyền thống đáng tự hào như: yêu nước, đoàn kết, hiếu thảo, tôn sư trọng đạo, hiếu học, nhân nghĩa, cần cù lao động,...

– Những truyền thống tốt đẹp này có giá trị to lớn về văn hoá, lịch sử, xã hội và kinh tế, là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước, góp phần hình thành những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam.

– Tự hào về truyền thống của dân tộc được biểu hiện qua sự trân trọng, hãnh diện và giữ gìn, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống.

– Học sinh cần tìm hiểu, tôn trọng, giữ gìn và phát huy các truyền thống tốt đẹp, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam "tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Đồng thời, cần phải phê phán, lên án, ngăn chặn những hành vi làm tổn hại đến truyền thống dân tộc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1: Tìm ca dao, tục ngữ

a) Mục tiêu: HS nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam và nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về truyền thống của dân tộc Việt Nam và giải thích ý nghĩa.

c) Sản phẩm: Các câu ca dao, tục ngữ nói về truyền thống của dân tộc và ý nghĩa của từng câu.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV tổ chức trò chơi, chia lớp làm hai đội/ nhóm, thực hiện tìm và giải thích ý nghĩa những câu ca dao, tục ngữ nói về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động theo đội/ nhóm, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời các thành viên của mỗi đội xung phong phát biểu câu trả lời, đội/ nhóm nào dừng lại trước hoặc trả lời chưa đúng sẽ thua cuộc, đội/ nhóm còn lại sẽ giành chiến thắng.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Một số câu ca dao, tục ngữ nói về truyền thống của dân tộc Việt Nam như: Uống nước nhớ nguồn; Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ; Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao; Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra;...

Nhiệm vụ 2. Đọc nhận định và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nhận biết được giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam và thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống dân tộc.

b) Nội dung: Em hãy đọc nhận định trong SGK tr. 8 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Giá trị của các truyền thống dân tộc Việt Nam được thể hiện trong đại dịch Covid – 19; những việc làm cần thiết để giữ gìn truyền thống của dân tộc Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nhận định trong SGK tr. 8 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy trình bày giá trị của các truyền thống dân tộc Việt Nam được thể hiện trong đại dịch Covid – 19.

– Em hãy nêu những việc làm cần thiết để giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nhận định và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và rút ra những nội dung phù hợp: Nhờ có các truyền thống như nhân ái, đoàn kết mà người dân sẵn sàng chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau về công sức, của cải,...; Những việc làm cần thiết để giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam như: tích cực hỗ trợ, giúp đỡ người khác; chịu khó học tập để phát triển bản thân; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng;...

Nhiệm vụ 3. Đọc lời bài hát và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy đọc lời bài hát trong SGK tr. 8 – 9 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Giá trị của tiếng Việt và suy nghĩ của HS về tình trạng sử dụng tiếng Việt của một số bạn trẻ.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc lời bài hát *"Thương ca tiếng Việt"* trong SGK tr. 8 – 9 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, vì sao tiếng Việt là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam?

– Em có suy nghĩ gì về việc một số bạn trẻ hiện nay thích dùng ngôn ngữ "chat", viết tắt tuỳ ý, biến âm một cách cảm tính, sai chính tả,...? Bản thân em đã giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc lời bài hát và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày ý kiến, câu trả lời trước lớp, đưa ra những ví dụ cụ thể về việc sử dụng ngôn ngữ "chat" của một số bạn HS hiện nay.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận phù hợp: Tiếng Việt có giá trị to lớn, là nét đặc trưng về văn hoá và là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Tiếng Việt tạo nên sợi dây kết nối giữa người Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới; Việc một số bạn trẻ sử dụng tiếng Việt tuỳ ý là chưa phù hợp, chưa thể hiện sự trân trọng đối với truyền thống của dân tộc và có thể làm ảnh hưởng đến sự trong sáng, nét đẹp của tiếng Việt. Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, HS cần tích cực tìm hiểu, sử dụng đúng tiếng Việt và luôn nói tiếng Việt khi có cơ hội.

Nhiệm vụ 4. Đọc các việc làm và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy cho biết việc làm nào trong SGK tr. 9 thể hiện sự kế thừa, phát huy truyền thống của dân tộc. Vì sao?

c) Sản phẩm: Những việc làm thể hiện sự kế thừa, phát huy truyền thống của dân tộc Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận về các việc làm trong SGK tr. 9 và cho biết việc làm nào thể hiện sự kế thừa, phát huy truyền thống của dân tộc. Giải thích vì sao.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 6 – 7 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp (gợi ý: các việc làm đúng (câu a, d, e) và chưa đúng (câu b, c) về việc kế thừa, phát huy các truyền thống của dân tộc).

Nhiệm vụ 5: Viết đoạn văn

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.

b) Nội dung: Em hãy viết đoạn văn bày tỏ lòng tự hào của bản thân đối với một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và đề xuất những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống đó trong thời kì hội nhập, phát triển.

c) Sản phẩm: Nội dung bài viết của HS bày tỏ lòng tự hào của bản thân đối với một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và đề xuất những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống đó trong thời kì hội nhập, phát triển.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết đoạn văn theo yêu cầu trong SGK tr. 9.

*Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn.

*Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho cả lớp viết đoạn văn và mời 1 – 2 HS trình bày bài viết của mình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết nội dung, khơi gợi ở HS lòng tự hào, tinh thần trách nhiệm đối với các truyền thống của dân tộc Việt Nam.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Xây dựng kế hoạch và thực hiện hành động cụ thể

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống dân tộc.

b) Nội dung: Em hãy làm việc nhóm để xây dựng kế hoạch và thực hiện hành động cụ thể nhằm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam (truyền thống hiếu học, yêu nước, hiếu thảo,...).

c) Sản phẩm: Kế hoạch thực hiện các hành động cụ thể nhằm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam (truyền thống hiếu học, yêu nước, hiếu thảo,...).

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm tại lớp, đăng kí chủ đề và xây dựng kế hoạch (gợi ý: thiết kế báo tường hoặc thực hiện một đoạn phim ngắn để giới thiệu về truyền thống dân tộc Việt Nam,…) và thực hiện các hành động cụ thể nhằm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

*Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm phân chia nhiệm vụ để thực hiện yêu cầu.

*Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho các nhóm trình bày ý tưởng và kế hoạch để thực hiện yêu cầu.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý và giao thời gian để các nhóm triển khai thực hiện kế hoạch.

Nhiệm vụ 2. Thực hiện các sản phẩm tuyên truyền

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.

b) Nội dung: Em hãy tuyên truyền, quảng bá về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam bằng những sản phẩm như: báo tường, đoạn phim ngắn, âm nhạc,...

c) Sản phẩm: Sản phẩm tuyên truyền, quảng bá về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện những sản phẩm tuyên truyền, quảng bá về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam theo gợi ý trong SGK tr. 9.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện sản phẩm cá nhân hoặc theo nhóm.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS thực hiện các sản phẩm theo yêu cầu và trình bày trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý và động viên HS tích cực thực hiện yêu cầu.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam; Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam; Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam; Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam; Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc một cách có hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam nhưng chưa đầy đủ; Nhận biết chưa trọn vẹn giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam; Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam nhưng chưa đầy đủ; Đánh giá chưa bao quát về hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam; Thực hiện chưa thường xuyên những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có số điểm từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam; Chưa nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam; Chưa kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam; Không có khả năng đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam; Thực hiện chưa hiệu quả những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 2

Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

– Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

– Thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

– Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

– Trách nhiệm.

– Nhân ái.

– Yêu nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh và video clip thể hiện nội dung về tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thực hiện trò chơi *Tiếp sức đồng đội*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể tên các món ăn truyền thống của các quốc gia trên thế giới.

c) Sản phẩm: Tên các món ăn truyền thống của các quốc gia trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm có ba HS đại diện để tham gia trò chơi, sau đó, phổ biến luật chơi.

– Phổ biến thể lệ: Hai nhóm sẽ thi đua kể tên các món ăn truyền thống của các quốc gia trên thế giới trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 – 4 phút). Mỗi thành viên của nhóm, mỗi lần chỉ được kể một món ăn truyền thống và tiến hành kể xen kẽ với nhau. Các thành viên cùng nhóm sẽ hỗ trợ nhau khi tham gia trò chơi. Nhóm nào kể được nhiều tên món ăn truyền thống hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS nêu nhận xét và công bố kết quả nhóm thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận: Một số món ăn truyền thống của các quốc gia trên thế giới như: kim chi, sushi, pizza,... Từ đó, GV dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể tên các quốc gia gắn liền với biểu tượng văn hóa, du lịch trong các hình ảnh trong SGK tr.10 và chia sẻ hiểu biết về các biểu tượng đó.

c) Sản phẩm: Tên các quốc gia gắn liền với biểu tượng văn hoá, du lịch trong các hình ảnh trong SGK tr. 10 và chia sẻ hiểu biết về các biểu tượng đó.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV chia lớp thành bốn nhóm, mỗi nhóm có một HS đại diện để tham gia trò chơi, sau đó, phổ biến luật chơi.

– Phổ biến thể lệ: Mỗi nhóm sẽ lựa chọn cho mình một hình ảnh trong SGK tr. 10, sau đó, theo thứ tự từng nhóm sẽ lần lượt kể tên quốc gia gắn liền với biểu tượng văn hoá, du lịch trong hình ảnh mà nhóm đã lựa chọn và chia sẻ hiểu biết về biểu tượng đó (gợi ý: mỗi nhóm có 1 phút 30 giây để thực hiện nhiệm vụ). Các thành viên cùng nhóm sẽ hỗ trợ nhau khi tham gia trò chơi. Nhóm nào kể tên được biểu tượng văn hoá, du lịch và chia sẻ đúng về biểu tượng đó sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS nêu nhận xét và công bố kết quả nhóm thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận câu trả lời phù hợp: Hình 1: Tháp Eiffel ở thành phố Paris của nước Pháp, đây là một công trình kiến trúc bằng thép nằm trên công viên Champ-de-Mars, cạnh sông Seine. Tháp Eiffel giữ vững vị trí là công trình cao nhất thế giới trong suốt hơn 40 năm. Ngoài mục đích đặt trạm phát sóng truyền thanh – truyền hình cho Paris, tháp Eiffel còn được sử dụng cho các mục đích du lịch, thu hút hàng triệu lượt khách quốc tế mỗi năm; Hình 2: Tượng Nữ thần Tự do ở thành phố New York, đây là một biểu tượng lừng danh của nước Mỹ. Tượng có hình dáng một người phụ nữ mặc áo choàng, tay phải cầm ngọn đuốc còn tay kia là một tấm đá phiến có khắc ngày độc lập của Mỹ; Hình 3: Nhà hát Sydney Opera House của nước Úc, đây là biểu tượng nổi tiếng thế giới và sẽ gia nhập "kỉ nguyên kĩ thuật số" bằng nền tảng dịch vụ riêng, phát sóng các chương trình biểu diễn ghi hình hoặc trực tiếp; Hình 4: Đền Angkor Wat (tên đầy đủ Prasat AngkorWat) của vương quốc Campuchia, đây là quần thể đền và cũng là di tích tôn giáo lớn nhất của thế giới. Quần thể này rộng tới 162,6 hecta, được xây dựng từ thế kỉ XII bởi vua Suryavarman II và vua Jayavarman VII.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 11 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 11 và trả lời câu hỏi:

– Công ước Quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc của Liên hợp quốc ra đời nhằm mục đích gì?

– Ngày Quốc tế Khoan dung ra đời nhằm mục đích gì?

– Sự đa dạng của các dân tộc trên thế giới được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin trong SGK tr. 11 và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp: Ngày Quốc tế Khoan dung ra đời nhằm mục đích tôn trọng sự đa dạng, phong phú của các nền văn hoá trên thế giới, thừa nhận các quyền con người phổ biến và các quyền tự do cơ bản của người khác; Sự đa dạng của các dân tộc trên thế giới được thể hiện trong thông tin trên là: xoá bỏ nạn phân biệt chủng tộc trên toàn thế giới; Sự phân biệt giữa người với người dựa trên cơ sở sắc tộc, màu da và nguồn gốc dân tộc; con người khác nhau về hình dáng bên ngoài, địa vị, lời nói, cách ứng xử và các giá trị nhưng đều có quyền được sống trong hoà bình và duy trì cá tính của riêng mình.

Nhiệm vụ 2. Quan sát các hình ảnh và đọc thông tin để thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh, đọc thông tin trong SGK tr. 12 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Những nét đặc sắc của các dân tộc trong các hình ảnh, thông tin trong SGK tr. 12 và một số biểu hiện khác về sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh và đọc thông tin trong SGK tr. 12 để thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nêu những nét đặc sắc của các dân tộc trong các hình ảnh, thông tin trên.

– Em hãy nêu thêm một số biểu hiện khác về sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới mà em biết.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát các tranh, đọc thông tin trong SGK tr. 12 và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp: Những nét đặc sắc của các dân tộc trong các hình ảnh, thông tin trên: Thông tin 1: Lễ hội Té nước của người Thái, Lào, Khơ-me. Trong lễ hội này, người dân mang nước ra đường và té vào người qua đường như một cử chỉ cầu phúc an lành; Thông tin 2: Món Pizza của nước Ý đã phổ biến trên toàn thế giới; Thông tin 3: Trang phục Kimono của người Nhật Bản, thường được mặc vào dịp lễ Tết, cưới hỏi,...; Thông tin 4: Lễ hội Rio Carnival của nước Brazil, trong lễ hội này những vũ công Samba được hoá trang đầy màu sắc; Một số biểu hiện khác: trang phục áo dài của Việt Nam, hanbok của Hàn Quốc, món ăn sushi của Nhật Bản.

Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 13 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr. 13 và thực hiện yêu cầu: *Em hãy chỉ ra ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới có ý nghĩa quan trọng giúp mỗi cá nhân luôn sẵn sàng học hỏi để có thể hoà nhập và phát triển, trở thành công dân toàn cầu; phát huy được bản sắc của dân tộc mình và mở rộng các quan hệ giao lưu, hợp tác.

Nhiệm vụ 4. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; phê phán được những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 13 – 14 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận xét của HS về lời nói, việc làm, hành vi của các nhân vật trong các tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 13 – 14 và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1: *Em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của bạn N và bạn K trong tình huống trên?*

– Tình huống 2: *Em có suy nghĩ như thế nào về lời nói và hành vi của bạn T trong tình huống trên?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận với bạn bên cạnh và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những câu trả lời phù hợp. Cụ thể: Tình huống 1: Lời nói, việc làm của bạn K thể hiện bạn ấy là người biết tôn trọng người khác, đặc biệt là tôn trọng văn hoá của nước bạn. Còn bạn N có thái độ như vậy là không đúng, chưa biết tôn trọng văn hoá nước bạn; Tình huống 2: Lời nói và hành vi bạn T trong tình huống trên là sai, bạn T sẽ làm tổn thương người khác vì có thái độ miệt thị về ngoại hình. Bạn ấy nên tôn trọng màu da của mỗi người.

– Sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá được biểu hiện thông qua:
+ Mỗi dân tộc có những đặc trưng khác nhau về màu da, ngoại hình,...
+ Mỗi nền văn hoá có sự khác biệt về phong tục, tập quán, ngôn ngữ, chữ viết, phương thức sinh hoạt, ẩm thực, trang phục, nghệ thuật, kiến trúc,...
– Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới có ý nghĩa quan trọng giúp mỗi cá nhân luôn sẵn sàng học hỏi để có thể hoà nhập và phát triển, trở thành công dân toàn cầu; phát huy được bản sắc của dân tộc mình và mở rộng các quan hệ giao lưu, hợp tác.
– Để tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, chúng ta cần: Tôn trọng tiếng nói, trang phục, tập quán, nghi thức; sẵn sàng tiếp thu và học hỏi những tiến bộ, thành tựu của các dân tộc, các nền văn hoá khác trên thế giới,...
– Học sinh cần phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá một cách phù hợp.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; phê phán được những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy bày tỏ quan điểm đối với những ý kiến trong SGK tr. 14 – 15.

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS đối với những ý kiến về biểu hiện và ý nghĩa của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến trong SGK tr. 14 – 15 và bày tỏ quan điểm của mình về các ý kiến:

a) Tiếp thu văn hoá của dân tộc khác sẽ làm mất đi giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình.

b) Mọi dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng.

c) Không có nền văn hoá lớn và nền văn hoá nhỏ, chỉ có các nền văn hoá khác nhau.

d) Đoàn kết, tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc là một trong những việc làm để chống lại phân biệt chủng tộc.

e) Sử dụng pha trộn nhiều ngôn ngữ khi giao tiếp là thể hiện sự sành điệu, thức thời.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các ý kiến và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS lên trình bày quan điểm đối với từng ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết, rút ra câu trả lời phù hợp (gợi ý: không đồng tình với quan điểm: a, e và đồng tình với quan điểm: b, c, d).

Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 15 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 15 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nêu suy nghĩ về việc làm của hai bạn trong trường hợp trên.

– Em hãy nêu một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin trong SGK tr. 15 và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời, sau đó, GV mời một vài HS trong lớp nhận xét, bổ sung.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp: Việc làm của bạn Y và bạn K thể hiện hai bạn là người rất yêu thích nền văn hoá của các nước trên thế giới. Hai bạn có sự đam mê tìm hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá; Một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới: trang phục truyền thống của các nước khác nhau như: Sari của Ấn Độ, Kimono của Nhật Bản; người châu Âu, châu Á, châu Phi có sự khác biệt về màu da, màu tóc,...

Nhiệm vụ 3. Thuyết trình trước lớp ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới

a) Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

b) Nội dung: Dựa vào thông tin trong SGK tr. 15, em hãy thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS về ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 15 và thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và thực hiện bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên thuyết trình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, hỗ trợ để HS hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

Nhiệm vụ 4. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 15 – 16 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS về việc làm của các nhân vật trong các tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 15 – 16.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Tình huống 1:

+ *Em có nhận xét gì về quyết định từ chối nhận người của Công ty A?*

+ *Nếu là anh B, em sẽ xử lí như thế nào?*

– Tình huống 2:

+ *Em có đồng tình với hành động của bạn M không? Vì sao?*

+ *Nếu là bạn của M, em sẽ khuyên bạn M như thế nào?*

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận phù hợp. Cụ thể: Tình huống 1: Quyết định từ chối nhận người của Công ty A thể hiện sự phân biệt chủng tộc và không tôn trọng người châu Á; Nếu là anh B, em sẽ tìm cơ hội ở công ty khác phù hợp hơn và biết tôn trọng mình. Đồng thời, em sẽ giải thích với Công ty A rằng: Dù là người ở bất kì châu lục nào thì họ cũng cần được tôn trọng; Tình huống 2: Em không đồng tình với hành động của bạn M, vì bạn ấy không thể hiện thái độ tôn trọng văn hoá ăn uống của nước khác; Nếu là bạn của M, em sẽ khuyên bạn ấy rằng: Mỗi quốc gia đều có sự khác biệt trong cách ăn uống, vì vậy dù có khác với nước mình thì chúng ta cũng cần phải tôn trọng họ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Chia sẻ với bạn

a) Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

b) Nội dung: Em hãy lựa chọn nét đặc sắc về văn hoá của một dân tộc trên thế giới và chia sẻ với bạn.

c) Sản phẩm: Nội dung chia sẻ của HS về văn hoá của một dân tộc trên thế giới và chia sẻ với bạn.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy lựa chọn nét đặc sắc về văn hoá của một dân tộc trên thế giới và chia sẻ với bạn.*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên trình bày phần nội dung đã chuẩn bị.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những nội dung chia sẻ tốt, đạt yêu cầu. Động viên, khích lệ những em có phần nội dung chia sẻ chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.

Nhiệm vụ 2. Xây dựng kịch bản tiểu phẩm và sắm vai

a) Mục tiêu: HS phê phán được những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy làm việc nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai trước lớp một tiểu phẩm nhằm phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc, văn hoá.

c) Sản phẩm: Kịch bản và tiểu phẩm của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai trước lớp một tiểu phẩm nhằm phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc, văn hoá.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chia nhóm, thảo luận để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 nhóm lên trình bày tiểu phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương các nhóm có phần thể hiện tốt. Động viên, khích lệ các nhóm có phần thể hiện chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới nhưng chưa đầy đủ; Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới nhưng chưa trọn vẹn; Thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới nhưng chưa đầy đủ; Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá nhưng chưa thường xuyên; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Chưa hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Chưa thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Chưa phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 3 Lao động cần cù, sáng tạo

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

– Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

– Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân.

– Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

3. Về phẩm chất

– Chăm chỉ.

– Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh, video clip thể hiện nội dung về sự cần cù, sáng tạo, tinh thần yêu lao động.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Ai nhanh hơn*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể tên những danh nhân, nhà khoa học trong và ngoài nước là những tấm gương tiêu biểu cho sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

c) Sản phẩm: Tên những danh nhân, nhà khoa học trong và ngoài nước là những tấm gương tiêu biểu cho sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.

– Phổ biến thể lệ: Kể tên những danh nhân, nhà khoa học trong và ngoài nước là những tấm gương tiêu biểu cho sự cần cù, sáng tạo trong lao động trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân/ đội nào kể tên được nhiều nhất sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả cá nhân/ đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết và đánh giá câu trả lời của HS. Các nhà khoa học trong và ngoài nước như: Nhà bác học Edison, Albert Einstein, Trần Đại Nghĩa, Lương Định Của,... và dẫn dắt vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Đọc các câu tục ngữ và nêu ý nghĩa

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc và nêu ý nghĩa của các câu tục ngữ trong SGK tr. 17.

c) Sản phẩm: Những bài học rút ra liên quan đến sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và nêu ý nghĩa của những câu tục ngữ:

– *"Cần cù bù thông minh".*

– *"Có công mài sắt, có ngày nên kim".*

– *"Cái khó ló cái khôn".*

– *"Một phút nghĩ hay hơn cả ngày quần quật".*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc những câu tục ngữ và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: Ý nghĩa của những câu tục ngữ trên là khuyên chúng ta nên không ngừng phấn đấu, cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong lao động sẽ đem lại hiệu quả cao. Từ đó, GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 17 – 18 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 17 – 18 và trả lời câu hỏi:

– Em có suy nghĩ gì về cách làm việc của Giáo sư – Bác sĩ Nông học Lương Định Của?

– Theo em, thế nào là cần cù, sáng tạo trong lao động?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động.

Nhiệm vụ 2: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động; Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 18 – 19 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Biểu hiện, ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 18 – 19 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy chỉ ra biểu hiện của lao động cần cù, sáng tạo của nhân vật trong thông tin trên.

– Em hãy cho biết ý nghĩa của sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và thực hiện các yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra được biểu hiện, ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán được những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 19 – 20 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận xét của HS về việc làm của các nhân vật trong tình huống; những việc làm của bản thân thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1:

+ Em có nhận xét gì về việc làm của bạn Ninh và bạn Hải? Việc làm của hai bạn mang lại ý nghĩa gì?

+ Em đã làm gì để thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động?

– Tình huống 2:

+ Em nhận xét gì về thái độ của bạn K trong lao động?

+ Theo em, bạn K nên thay đổi như thế nào? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm đọc trường hợp, thảo luận và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những nội dung kết luận phù hợp: HS ca ngợi bạn Ninh, bạn Hải vì việc làm của hai bạn không chỉ rèn luyện sự cần cù, sáng tạo, kĩ năng sống cho bản thân mà còn góp phần chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, thể hiện lòng nhân ái. HS trình bày cụ thể những việc làm của bản thân thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong học tập và cuộc sống gia đình; HS phê bình sự thiếu kiên nhẫn của bạn K trong lao động. Bạn K cần rèn luyện cho mình sự quyết tâm, chăm chỉ, năng động, sáng tạo để đem lại hiệu quả cao trong công việc.

– Cần cù là chăm chỉ, chịu khó một cách thường xuyên trong công việc. Biểu hiện của cần cù là làm việc thường xuyên, đều đặn, không ngừng nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách.

– Sáng tạo là say mê nghiên cứu, tìm tòi trong lao động. Biểu hiện của sáng tạo là luôn suy nghĩ, tìm và phát hiện ra cách làm mới hiệu quả để đem lại kết quả cao hơn trong công việc.

– Cần cù, sáng tạo là phẩm chất cần thiết, là điều kiện giúp con người nâng cao vốn hiểu biết, rèn luyện các kĩ năng, tiết kiệm thời gian và đạt hiệu quả cao trong công việc; góp phần xây dựng quê hương, đất nước và được mọi người yêu quý, tôn trọng.

– Để rèn luyện sự cần cù, sáng tạo, học sinh cần chăm chỉ, nỗ lực, vượt qua khó khăn, thử thách, tìm ra những cách thức làm việc phù hợp để đạt hiệu quả cao trong công việc. Bên cạnh đó, chúng ta cần trân trọng thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo; phê phán biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1: Thuyết trình quan điểm về cần cù, sáng tạo

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

b) Nội dung: Có quan điểm cho rằng: *"Cần cù, sáng tạo không phải do bẩm sinh mà là kết quả của sự rèn luyện"*. Em hãy xây dựng và trình bày bài thuyết trình để thể hiện suy nghĩ của mình.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS về quan điểm trong SGK tr. 20.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc ý kiến trong SGK tr. 20, sau đó, xây dựng và trình bày bài thuyết trình thể hiện suy nghĩ của mình về quan điểm: *"Cần cù, sáng tạo không phải do bẩm sinh mà là kết quả của sự rèn luyện"*.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, GV hỗ trợ, trao đổi với HS nếu gặp khó khăn.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS trình bày bài thuyết trình của mình trước lớp. Các HS khác lắng nghe và đưa ra ý kiến nhận xét.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết, khẳng định: Cần cù, sáng tạo không phải do bẩm sinh mà là kết quả của sự rèn luyện.

Nhiệm vụ 2. Đọc các việc làm và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

b) Nội dung: Em hãy chỉ ra những việc làm thể hiện sự cần cù, sáng tạo và những việc làm không thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động. Vì sao?

c) Sản phẩm: Những việc làm thể hiện hoặc không thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận các việc làm trong SGK tr. 20 và thực hiện yêu cầu: *Em hãy chỉ ra những việc làm thể hiện sự cần cù, sáng tạo và những việc làm không thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động. Vì sao?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 5 – 6 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp (gợi ý: các việc làm đúng (câu a, b, d) và chưa đúng (câu c) về cần cù, sáng tạo trong lao động).

Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán được những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

b) Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK tr. 21 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr. 21 và trả lời câu hỏi:

– Em có đồng ý với đánh giá của bạn M về bạn V không? Vì sao?

– Em có lời khuyên gì với những bạn chưa có thói quen cần cù, sáng tạo trong học tập và trong lao động?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp: Ca ngợi bạn M cần cù, sáng tạo trong học tập, phê phán bạn V lười học, ham chơi; Bản thân HS có những lời khuyên hợp lí với những bạn chưa có thói quen cần cù, sáng tạo trong lao động.

Nhiệm vụ 4. Kể tên những việc làm cụ thể

a) Mục tiêu: HS thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân.

b) Nội dung: Em hãy kể tên những việc làm cụ thể để thể hiện sự cần cù, sáng tạo của bản thân trong học tập và cuộc sống.

c) Sản phẩm: Tên những việc làm cụ thể để thể hiện sự cần cù, sáng tạo của bản thân trong học tập và cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kể tên những việc làm cụ thể để thể hiện sự cần cù, sáng tạo của bản thân trong học tập và cuộc sống.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá những việc làm cụ thể của HS thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong các môn học và các hoạt động (làm thơ, viết văn, vẽ tranh, sáng tác nhạc,...), phương pháp học tập hiệu quả cũng như các công việc trong cuộc sống hằng ngày.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Làm sản phẩm

a) Mục tiêu: HS thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

b) Nội dung: Em hãy cùng nhóm bạn thực hiện một sản phẩm (viết lời cho đoạn nhạc, sáng tác bài thơ, vè, điệu lí,...) có nội dung là những kiến thức cần ghi nhớ của một bài học trong môn học thuộc chương trình lớp 8. Sau đó, chia sẻ với các bạn để cùng nhau áp dụng.

c) Sản phẩm: Các sản phẩm của HS có nội dung là những kiến thức cần ghi nhớ của một bài học trong môn học thuộc chương trình lớp 8.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS cùng nhóm bạn thực hiện một sản phẩm (viết lời cho đoạn nhạc, sáng tác bài thơ, vè, điệu lí,...) có nội dung là những kiến thức cần ghi nhớ của một bài học trong môn học thuộc chương trình lớp 8. Sau đó, chia sẻ với các bạn để cùng nhau áp dụng.

* Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm phân chia nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những nhóm có sản phẩm tốt, đạt yêu cầu. Động viên, khích lệ những nhóm có sản phẩm chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.

Nhiệm vụ 2. Sưu tầm câu chuyện về tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động và xây dựng kế hoạch rèn luyện bản thân

a) Mục tiêu: HS trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán được những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

b) Nội dung: Em hãy sưu tầm câu chuyện về tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động. Từ đó, xây dựng kế hoạch rèn luyện cho bản thân.

c) Sản phẩm: Câu chuyện về tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động và kế hoạch rèn luyện bản thân của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện sưu tầm câu chuyện về tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động và thực hiện yêu cầu:

– Kể diễn cảm câu chuyện trước lớp.

– Bày tỏ lòng biết ơn, trân trọng đối với sự đóng góp của tấm gương đó và rút ra bài học cho mình.

– Xây dựng kế hoạch rèn luyện tính cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện các yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày câu chuyện đã sưu tầm và kế hoạch rèn luyện bản thân trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn HS kể chuyện diễn cảm và xây dựng kế hoạch hiệu quả.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động; Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động; Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu chưa đầy đủ khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động; Giải thích chưa trọn vẹn ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động; Thể hiện chưa thường xuyên sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động; Chưa giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động; Chưa thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Chưa trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 4 Bảo vệ lẽ phải

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

– Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

– Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

– Trung thực.

– Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh, video clip có nội dung về việc bảo vệ lẽ phải.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Đối mặt*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể tên những hành vi bảo vệ lẽ phải và không bảo vệ lẽ phải.

c) Sản phẩm: Tên những hành vi bảo vệ lẽ phải và không bảo vệ lẽ phải.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho HS chơi theo đội và chia lớp thành hai đội.

– Phổ biến thể lệ: Hai đội sẽ kể tên xen kẽ những hành vi bảo vệ lẽ phải và không bảo vệ lẽ phải trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 – 4 phút). Đội 1 sẽ kể tên những hành vi bảo vệ lẽ phải, đội 2 sẽ kể những hành vi không bảo vệ lẽ phải. Hết thời gian quy định, đội nào kể tên được nhiều hành vi bảo vệ lẽ phải và không bảo vệ lẽ phải hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nhận xét và kết luận, công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: Hành vi bảo vệ lẽ phải: thấy bạn bị ức hiếp báo ngay cho thầy cô giáo, trả lại đồ cho người làm mất,...; Hành vi không bảo vệ lẽ phải: giúp bạn nói dối, thường xuyên vi phạm nội quy nhà trường,... Từ đó, GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: *Bảo vệ lẽ phải.*

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh và nhận xét

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh trong SGK tr. 22 và nhận xét về hành động của hai bạn HS.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu: *Em hãy quan sát hình ảnh và nhận xét về hành động của hai bạn HS.*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá câu trả lời của HS. Hành động của hai bạn HS thể hiện việc các bạn biết bảo vệ lẽ phải vì đã báo ngay cho công an khi phát hiện để kịp thời ngăn chặn hành vi rải đinh gây nguy hiểm đến các phương tiện giao thông trên đường. Từ đó, GV dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong SGK tr. 23 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận xét của HS về việc làm của Thái phó Tô Hiến Thành; lí do vì sao cần phải bảo vệ lẽ phải.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu cả lớp làm việc cá nhân, đọc thầm câu chuyện *"Bài học về nhân cách của Thái phó Tô Hiến Thành"*. GV cho 1 – 2 HS đọc lại câu chuyện to, rõ ràng cho cả lớp cùng nghe, sau đó, trả lời câu hỏi trong SGK tr. 23:

– Em có nhận xét gì về việc làm của Thái phó Tô Hiến Thành trong câu chuyện trên?

– Theo em, vì sao cần phải bảo vệ lẽ phải?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thầm câu chuyện, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra ý nghĩa của việc bảo vệ lẽ phải. Việc làm của Thái phó Tô Hiến Thành thể hiện ông là người biết bảo vệ lẽ phải, không vì tiền bạc mà làm sai trái với quy định và lương tâm của mình; Việc bảo vệ lẽ phải giúp con người có cách ứng xử đúng đắn, phù hợp, góp phần thúc đẩy xã hội ổn định, công bằng, phát triển.

Nhiệm vụ 2. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 23 – 24 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Các biểu hiện, lời nói, việc làm thể hiện việc bảo vệ lẽ phải.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 23 – 24 và thực hiện các yêu cầu:

– Em hãy chỉ ra lời nói, việc làm để bảo vệ lẽ phải của nhân vật trong các hình ảnh trên.

– Em hãy kể thêm những việc làm để bảo vệ lẽ phải mà em biết.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát các hình ảnh và suy nghĩ để thực hiện các yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp: Lời nói, việc làm bảo vệ lẽ phải thể hiện qua: hình 1, hình 2, hình 3, hình 4; Một số việc làm bảo vệ lẽ phải khác: tuân theo biển báo không được đi lên cỏ trong công viên, tố cáo những việc làm trái với quy định của pháp luật, thể hiện chính kiến của bản thân,...

Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS khích lệ, động viên được bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 24 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận xét của HS về hành động của các nhân vật trong các trường hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 24 và trả lời câu hỏi:

– Trường hợp 1:

+ Em có suy nghĩ gì về hành động của bạn Dũng? Chúng ta có nên học tập bạn Dũng không? Vì sao?

+ Theo em, làm thế nào để khích lệ, động viên bạn bè bảo vệ lẽ phải?

– Trường hợp 2:

+ Theo em, hành vi của bạn P có phù hợp không? Vì sao?

+ Khi gặp những thái độ, việc làm sai trái của người khác, em thường làm gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp. Cụ thể: Trường hợp 1: Hành động của bạn Dũng là việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải. Chúng ta cần học tập ở bạn Dũng về cách cư xử như trong trường hợp này. Vì trước hết, đó là việc làm đúng, việc làm này sẽ giúp cho trường lớp luôn sạch đẹp và bản thân cũng được mọi người yêu quý và tôn vinh; Để khích lệ, động viên bạn bè bảo vệ lẽ phải, chúng ta cần phải là một tấm gương tốt về những lời nói và việc làm bảo vệ lẽ phải trước. Bên cạnh đó, nếu bạn bè xung quanh chúng ta làm được những việc làm bảo vệ lẽ phải thì cũng cần được công nhận và tuyên dương để góp phần tạo động lực cho mọi người làm theo; Trường hợp 2: Hành vi của bạn P là không phù hợp, vì đó là hành vi không trung thực đối với người lớn, không phù hợp với chuẩn mực đạo đức của một HS; Khi gặp những thái độ, việc làm sai trái của người khác, em sẽ lên án, phê phán những hành vi sai trái, không phù hợp với lẽ phải đó.

– Bảo vệ lẽ phải là tôn trọng, giữ gìn, tuân thủ những điều đúng đắn, các chuẩn mực đạo đức, pháp luật, nội quy, quy định của các cơ quan, tổ chức và dũng cảm đấu tranh chống lại cái sai, cái xấu, cái ác.

– Bảo vệ lẽ phải giúp con người có cách ứng xử đúng đắn, phù hợp; góp phần thúc đẩy xã hội ổn định, công bằng, phát triển.

– Học sinh cần có những lời nói, hành động cụ thể để bảo vệ lẽ phải thông qua các việc làm như:

+ Tôn trọng, ủng hộ, tuân theo những điều đúng đắn.

+ Biết điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo hướng tích cực.

+ Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải.

+ Lên án, phê phán những hành vi sai trái, không phù hợp lẽ phải.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

b) Nội dung: Em hãy bày tỏ quan điểm đối với những ý kiến trong SGK tr. 25.

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS về các ý kiến trong SGK tr. 25.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận để bày tỏ quan điểm về các ý kiến trong SGK tr. 25:

a) Bảo vệ lẽ phải là lối sống văn minh, tiến bộ và phù hợp với đạo lí làm người.

b) Bảo vệ lẽ phải là nhắc nhở, phản đối khi thấy người khác làm sai.

c) Người biết bảo vệ lẽ phải thường dễ bị thiệt thòi.

d) Lời nói, hành động bảo vệ lẽ phải cần phù hợp với lứa tuổi.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời, bày tỏ quan điểm với từng ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. Cụ thể: a) Đồng tình với quan điểm trên vì đó là ý nghĩa của bảo vệ lẽ phải; b) Đồng tình với quan điểm trên vì đó là một trong những lời nói, việc làm cụ thể của bảo vệ lẽ phải; c) Không đồng tình với quan điểm trên vì bảo vệ lẽ phải không những không thiệt thòi mà còn được mọi người yêu quý và kính trọng; d) Đồng tình với quan điểm trên vì mỗi lứa tuổi sẽ có vai trò và chức năng khác nhau trong xã hội, người nhỏ làm việc nhỏ, người lớn làm việc lớn.

Nhiệm vụ 2. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 25 – 26 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS về cách cư xử, hành vi của các nhân vật trong các tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 25 – 26 và trả lời các câu hỏi:

– Tình huống 1:

+ Em có đồng tình với cách ứng xử của bạn V không? Vì sao?

+ Nếu là bạn K, em sẽ nói gì với bạn V?

– Tình huống 2:

+ Em có đồng tình với hành động của bạn T không? Vì sao?

+ Nếu là bạn T, em sẽ làm gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng hợp các câu trả lời phù hợp. Cụ thể: Tình huống 1: Em đồng tình với cách ứng xử của bạn V. Vì mặc dù bạn V không thích bạn K nhưng vẫn bảo vệ cái đúng, dám nói ra sự thật của việc bạn K không phải là người lấy tiền; Nếu là bạn K, em sẽ cảm ơn bạn V vì đã dám đứng ra bảo vệ mình trước sự nghi ngờ không đúng của người khác; Tình huống 2: Em không đồng tình với hành động của bạn T. Vì việc làm của bạn T chưa thể hiện được sự bảo vệ lẽ phải, không dám nói ra sự thật do sợ bị liên luỵ nên đã che giấu những điều sai trái; Nếu là bạn T, em sẽ mạnh dạn đứng ra làm chứng, nói đúng sự thật về hành vi đe doạ bạn M của nhóm bạn K, vì đây là hành vi sai trái, không được phép diễn ra ở học đường.

Nhiệm vụ 3. Sắm vai để giải quyết tình huống

a) Mục tiêu: HS khích lệ, động viên được bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.

b) Nội dung: Em hãy sắm vai tình huống 1, 2 trong SGK tr. 26 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoạt động sắm vai của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 26, thảo luận nhóm, sắm vai và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1: *Nếu là bạn N, em sẽ khuyên bạn M và bạn K như thế nào?*

– Tình huống 2: *Nếu là bạn M, em sẽ ứng xử tình huống trên như thế nào?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm, sắm vai để giải quyết các tình huống và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời hai nhóm HS lên sắm vai giải quyết tình huống và trả lời câu hỏi.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những cách giải quyết tình huống phù hợp. Cụ thể: Tình huống 1: Nếu là bạn N, em sẽ khuyên bạn M và bạn K là phải giữ trật tự khi đến thư viện đọc sách vì nơi đây là dành cho tất cả mọi người chứ không phải của riêng ai. Các bạn cần tôn trọng tất cả mọi người và thực hiện đúng quy định của thư viện là không được gây mất trật tự; Tình huống 2: Nếu là bạn M, em sẽ gặp riêng bạn C và nói chuyện với nhau để tìm hiểu nguyên nhân vì sao bạn ấy lại không thích mình, đặt điều nói không đúng về mình nhằm đưa ra giải pháp khắc phục; Trong trường hợp bạn C không hợp tác thì em sẽ báo cho giáo viên chủ nhiệm về vấn đề này để kịp thời can thiệp và giải quyết.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Sưu tầm câu chuyện về các tấm gương, nhân vật bảo vệ lẽ phải và xây dựng kế hoạch rèn luyện bản thân

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy sưu tầm những câu chuyện về các tấm gương, nhân vật bảo vệ lẽ phải. Từ đó, rút ra bài học và xây dựng kế hoạch rèn luyện cho bản thân.

c) Sản phẩm: Câu chuyện về tấm gương, nhân vật bảo vệ lẽ phải và kế hoạch rèn luyện bản thân của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sưu tầm những câu chuyện về các tấm gương, nhân vật bảo vệ lẽ phải. Từ đó, rút ra bài học và xây dựng kế hoạch rèn luyện cho bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày câu chuyện đã sưu tầm và kế hoạch rèn luyện bản thân trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn HS kể chuyện diễn cảm và xây dựng kế hoạch hiệu quả.

Nhiệm vụ 2. Viết và thực hiện bản cam kết

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy viết một bản cam kết về sự trung thực trong học tập và thực hiện trong suốt năm học.

c) Sản phẩm: Bản cam kết của HS về sự trung thực trong học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hãy làm một bản cam kết về việc trung thực trong thi cử, học tập và thực hiện trong suốt năm học (gợi ý: bản cam kết cần thể hiện các nội dung: sự quyết tâm sẽ trung thực, những việc làm cụ thể biểu hiện sự trung thực, những biện pháp xử lí nếu vi phạm).

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ kết quả đã thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những lưu ý cần thiết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải; Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải nhưng chưa đầy đủ; Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi nhưng chưa thường xuyên; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải; Chưa thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Không có khả năng khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 5

Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

– Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

– Trung thực.

– Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh và video clip liên quan đến nội dung bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thực hiện trò chơi *Ai nhanh hơn*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể tên những việc làm cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Chân trời sáng tạo

c) Sản phẩm: Tên những việc làm cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV có thể tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.

– Phổ biến thể lệ: Cá nhân/ đội sẽ thi đua kể tên những việc làm cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân nào/ đội nào kể tên được nhiều việc làm nhất sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nhận xét và công bố kết quả cá nhân/ đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: *Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.*

Nhiệm vụ 2. Gọi tên các hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy gọi tên của các hình ảnh trong SGK tr. 27 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Tên gọi của các hình ảnh trong SGK tr. 27.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 27, gọi tên và trả lời câu hỏi: *Em có suy nghĩ gì về việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tổng kết những câu trả lời phù hợp: Môi trường và tài nguyên thiên nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng, cung cấp phương tiện cho con người tồn tại và cơ sở vật chất để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Từ đó, GV dẫn dắt vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin trong SGK tr. 28 – 29 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS giải thích về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK tr. 28 – 29 và trả lời câu hỏi:

– Thông tin 1:

+ Theo em, ô nhiễm môi trường gây ra hậu quả gì?

+ Theo em, vì sao phải bảo vệ môi trường?

– Thông tin 2: *Theo em, môi trường và tài nguyên thiên nhiên đem lại lợi ích gì cho con người? Vì sao chúng ta cần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra vai trò của việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên: Đảm bảo điều kiện sống và sinh hoạt của con người. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên giúp cân bằng sinh thái và đảm bảo cho con người tồn tại trong môi trường trong lành, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là bảo vệ chính chúng ta.

Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin và trường hợp trong SGK tr. 29 – 31 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin và trường hợp trong SGK tr. 29 – 31 để thực hiện yêu cầu:

– Em hãy chỉ ra các hành vi vi phạm pháp luật của nhân vật trong các trường hợp trên.

– Em hãy nêu những quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận với bạn bên cạnh và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận. Một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên: Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân; Bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lí tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển; Bảo vệ môi trường gắn kết hài hoà với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành; Bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lí và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 31 – 32 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Các biện pháp cần thiết và trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 31 – 32 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy chỉ ra các biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong các trường hợp trên.

– Em hãy nêu trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 bạn HS xung phong trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

Nhiệm vụ 4. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; biết phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 32 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Tên những việc làm để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 32 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy gọi tên những việc làm bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên được mô tả trong các hình ảnh trên.

– Em hãy kể ra những việc làm khác để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp: HS có trách nhiệm bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi như: không xả rác bừa bãi, hạn chế sử dụng túi ni lông, đồ nhựa, tiết kiệm điện, nước,... Đồng thời, biết phê phán, đấu tranh, góp ý với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên như: chặt phá rừng, săn bắt động vật trái phép,...

– *Môi trường là các yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh con người (không khí, nước, độ ẩm, sinh vật, cảnh quan,…) ảnh hưởng trực tiếp và tác động đến các hoạt động sống của con người.*

– *Tài nguyên thiên nhiên là những của cải có sẵn trong tự nhiên mà con người có thể khai thác, chế biến, sử dụng phục vụ cuộc sống (mỏ khoáng sản, dầu khí, động thực vật,…).*

– *Môi trường và tài nguyên thiên nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng, cung cấp phương tiện cho con người tồn tại và cơ sở vật chất để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.*

– *Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên giúp cân bằng sinh thái và đảm bảo cho con người tồn tại trong môi trường trong lành, thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là bảo vệ chính chúng ta.*

– *Quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên:*

+ *Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.*

+ *Bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lí tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.*

+ *Bảo vệ môi trường gắn kết hài hoà với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.*

+ *Bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch.*

+ *Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lí và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.*

– *Một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên:*

+ *Nâng cao ý thức mọi người chung tay bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.*

+ *Khai thác, sử dụng hợp lí và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên.*

+ *Tuyên truyền, vận động mọi người tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.*

– *Học sinh có trách nhiệm bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi như: không xả rác bừa bãi; hạn chế sử dụng túi ni lông, đồ nhựa; tiết kiệm điện, nước;… Đồng thời, phê phán, đấu tranh, góp ý với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên (phá rừng, săn bắt động vật trái phép,…).*

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

b) Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến trong SGK tr. 33? Vì sao?

c) Sản phẩm: Quan điểm của các HS đối với các ý kiến.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận cùng bạn và thể hiện quan điểm với những ý kiến trong SGK tr. 33:

a) Bảo vệ môi trường không chỉ cho thế hệ hôm nay mà còn góp phần bảo vệ cho thế hệ tương lai.

b) Chỉ người lớn mới cần quan tâm đến việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

c) Tài nguyên thiên nhiên là vô tận nên không nhất thiết phải tiết kiệm.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động theo nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp (gợi ý: đồng tình với câu a và không đồng tình với các câu còn lại).

Nhiệm vụ 2. Nhận xét các hành vi

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phê phán, đấu tranh được với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

b) Nội dung: Em hãy cho biết hành vi nào trong SGK tr. 33 – 34 phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

c) Sản phẩm: Các hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các hành vi trong SGK tr. 33 – 34 và cho biết hành vi nào phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên:

a) Thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định.

b) Xây dựng chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn.

c) Che giấu hành vi khai thác rừng trái phép.

d) Nhà nước sẽ chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lí chất thải theo quy định của pháp luật.

e) Săn bắt, buôn bán động vật quý hiếm thuộc danh mục nguy cấp.

g) Khai thác nước ngầm trái phép để kinh doanh.

*Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các hành vi và suy nghĩ câu trả lời.

*Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp (gợi ý: hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là câu a, câu b).

Nhiệm vụ 3. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 34 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Cách ứng xử của HS trong từng tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 34 và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1:

+ *Em có nhận xét gì về việc làm của anh T?*

+ *Nếu là anh D, em sẽ làm gì?*

– Tình huống 2: *Nếu là bạn K, em sẽ làm gì?*

*Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

*Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những hành động phù hợp với lứa tuổi HS để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Cụ thể: Tình huống 1: Việc làm của anh T vừa ảnh hưởng đến môi trường vừa gây nguy hiểm đến tính mạng con người. Nếu là anh D, em sẽ khuyên anh T kiên nhẫn câu cá và không sử dụng máy kích điện để bắt cá; Tình huống 2: Nếu là bạn K, em sẽ trình báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lí trường hợp vi phạm hút cát trái phép của chiếc tàu.

Nhiệm vụ 4. Thuyết trình trước lớp

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy chọn một phong trào hoặc hành động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên mà em ấn tượng để thuyết trình nhằm truyền cảm hứng cho bạn bè cùng chung tay thực hiện hoạt động này.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS về một phong trào hoặc hành động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chọn một phong trào hoặc hành động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên mà bản thân cảm thấy ấn tượng để thuyết trình, nhằm truyền cảm hứng cho bạn bè cùng chung tay thực hiện hoạt động này.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thực hiện bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên thuyết trình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét bài thuyết trình của các HS và rút ra những nhận xét phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thực hiện những việc làm bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy thực hiện những việc làm phù hợp (dọn dẹp vệ sinh, trồng và chăm sóc cây xanh, nhắc nhở bạn bè, em nhỏ,…) để góp phần bảo vệ môi trường tại nơi em sinh sống và chia sẻ kết quả với mọi người.

c) Sản phẩm: Minh chứng những việc làm phù hợp của HS để góp phần bảo vệ môi trường tại nơi sinh sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lên kế hoạch và triển khai thực hiện những việc làm phù hợp (dọn dẹp vệ sinh, trồng và chăm sóc cây xanh, nhắc nhở bạn bè, em nhỏ,…) để góp phần bảo vệ môi trường tại nơi em sinh sống và chia sẻ kết quả với mọi người.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về những việc làm cụ thể của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra hành động phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Thiết kế sản phẩm

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy cùng bạn thiết kế một số đồ dùng, dụng cụ học tập sáng tạo từ những vật dụng đã qua sử dụng để tuyên truyền về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

c) Sản phẩm: Đồ dùng, dụng cụ học tập được sáng tạo từ những đồ dùng đã qua sử dụng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS cùng bạn thiết kế một số đồ dùng, dụng cụ học tập sáng tạo từ những vật dụng đã qua sử dụng để tuyên truyền về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS cùng bạn thiết kế các đồ dùng, dụng cụ học tập theo yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS lên trình bày sản phẩm trước lớp và thuyết minh về sản phẩm đó.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương các HS có sản phẩm tốt.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên nhưng còn chưa đầy đủ; Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi nhưng chưa thường xuyên; Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Chưa thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Không có khả năng phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 6 Xác định mục tiêu cá nhân

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.

– Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.

– Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

– Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh và video clip liên quan đến nội dung xác định mục tiêu cá nhân.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Thử thách tranh tài*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể tên các hành động, việc làm nên và không nên để có được tương lai thành công, hạnh phúc.

c) Sản phẩm: Tên các hành động, việc làm nên và không nên để có được tương lai thành công, hạnh phúc.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành hai nhóm và thi đua nhau kể ra các hành động, việc làm nên và không nên để có được tương lai thành công, hạnh phúc.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS có thời gian khoảng 3 – 5 phút để thảo luận nhanh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời các HS đại diện từng nhóm phát biểu câu trả lời theo luân phiên. Nhóm nào kể ra được nhiều hành động, việc làm nên và không nên để có được tương lai thành công, hạnh phúc hơn thì nhóm đó sẽ giành chiến thắng.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học: Mục tiêu cá nhân giống như chiếc la bàn trong cuộc đời con người. Khi có mục tiêu đúng đắn, chúng ta dễ dàng đạt được thành công và hạnh phúc. HS cần xác định được mục tiêu cá nhân, không ngừng nỗ lực để hiện thực hoá mục tiêu nhằm trở thành một người công dân có ích.

Nhiệm vụ 2. Viết hoặc vẽ về "Chân dung tuổi 15" của mình

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy viết hoặc vẽ về *"Chân dung tuổi 15"* của mình và chia sẻ với bạn.

c) Sản phẩm: Nội dung bài viết hoặc tranh vẽ của HS về *"Chân dung tuổi 15"*.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết hoặc vẽ về *"Chân dung tuổi 15"* của mình và chia sẻ với bạn.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS viết hoặc vẽ về *"Chân dung tuổi 15"* của mình, sau đó, chia sẻ với các bạn.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong chia sẻ nội dung đã thực hiện của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: *Xác định mục tiêu cá nhân.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp và quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 35 – 36 để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Khái niệm và phân loại mục tiêu cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp và quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 35 – 36 và trả lời câu hỏi:

– Em hiểu mục tiêu cá nhân là gì?

– Theo em, có những loại mục tiêu cá nhân nào?

– Theo em, mục tiêu của mỗi bạn trong từng hình ảnh trên thuộc loại nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp, quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, nhận xét và kết luận câu trả lời phù hợp:

– Mục tiêu là những gì mà chúng ta mong muốn đạt được trong một thời gian nhất định.

– Có các loại mục tiêu khác nhau tuỳ theo cách phân loại: theo thời gian (có mục tiêu ngắn hạn và dài hạn), theo lĩnh vực (có mục tiêu học tập, tài chính, gia đình, sức khoẻ,…).

Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS hiểu được vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 36 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS giải thích được vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân và chia sẻ các mục tiêu của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 36 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, vì sao bạn P đạt được điều mình mong muốn còn bạn Th thì không?

– Theo em, vì sao chúng ta cần xác định mục tiêu cá nhân?

– Em đã xác định được những mục tiêu nào cho bản thân?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận câu trả lời phù hợp: Mục tiêu cá nhân có tác dụng định hướng cho con người hoạt động. Khi có mục tiêu rõ ràng và phù hợp, cá nhân sẽ có thêm sự tập trung và động lực để vượt qua khó khăn nhằm đạt mục tiêu đã đề ra.

Nhiệm vụ 3. Thảo luận về trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

b) Nội dung: Em hãy thảo luận về trường hợp trong SGK tr. 37 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Cách xác định mục tiêu cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr. 37 và giúp bạn M xác định được mục tiêu để thành lập câu lạc bộ từ những gợi ý của bạn V.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và thảo luận, suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 bạn HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và lưu ý cách lập mục tiêu cá nhân:

– Cụ thể: mục tiêu phải rõ ràng, chi tiết, tránh chung chung.

– Đo lường được: mục tiêu phải đánh giá, đo đếm được.

– Khả thi: mục tiêu phải vừa sức, có khả năng trở thành hiện thực.

– Thực tế: mục tiêu phải có ý nghĩa, giá trị với bản thân.

– Thời gian thực hiện: mục tiêu phải có lộ trình, mốc thời gian thực hiện.

Nhiệm vụ 4. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 37 – 38 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Trình tự các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 37 – 38 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy sắp xếp các hình ảnh theo trình tự các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

– Dựa vào mục tiêu đã được xác định ở hoạt động trên, em hãy hướng dẫn cho bạn M cách lập kế hoạch để thực hiện.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và thực hiện các yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 bạn HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết trình tự các bước xác định mục tiêu cá nhân:

– Bước 1. Liệt kê các việc cần làm để đạt mục tiêu.

– Bước 2. Sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên.

– Bước 3. Xác định thời gian và nguồn lực cần thiết.

– Bước 4. Thường xuyên đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân.

– Bước 5. Điều chỉnh cách thực hiện nếu hoàn cảnh thay đổi.

– Bước 6. Cam kết thực hiện kế hoạch.

– Mục tiêu cá nhân là kết quả cụ thể mà mỗi người mong muốn đạt được trong một thời gian nhất định.

– Mục tiêu cá nhân có thể được phân loại theo thời gian (mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn) hoặc phân loại theo lĩnh vực (mục tiêu về sức khoẻ, mục tiêu về học tập, mục tiêu về gia đình, mục tiêu về sự nghiệp, mục tiêu về tài chính,...).

– Mục tiêu cá nhân có ý nghĩa quan trọng, đóng vai trò định hướng cho hoạt động của con người. Mục tiêu có tác dụng tạo động lực để cá nhân quyết tâm hành động.

– Xác định mục tiêu cá nhân cần phải đảm bảo các yêu cầu sau: cụ thể (rõ ràng, chi tiết), đo lường được (có thể lượng giá được), khả thi (có khả năng thực hiện), thực tế (có giá trị với bản thân), thời gian thực hiện (có lộ trình, thời điểm).

– Cách lập kế hoạch thực hiện mục tiêu gồm 6 bước:

+ Liệt kê các việc cần làm để đạt mục tiêu.

+ Sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên.

+ Xác định thời gian và nguồn lực cần thiết.

+ Thường xuyên đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân.

+ Điều chỉnh cách thực hiện nếu hoàn cảnh thay đổi.

+ Cam kết thực hiện kế hoạch.

– Học sinh cần xác định cho mình mục tiêu cá nhân đúng đắn, phù hợp và lập kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đề ra. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, cần tập trung, cố gắng vượt qua khó khăn để đạt mục tiêu.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

b) Nội dung: Em hãy bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến trong SGK tr. 39.

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS về các ý kiến liên quan đến việc xác định mục tiêu cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS bày tỏ quan điểm về những ý kiến liên quan đến việc xác định mục tiêu cá nhân:

a) Mục tiêu cá nhân phải được chính cá nhân đó xác định.

b) Kết quả mà cá nhân mong muốn đạt được sau một tuần không phải là mục tiêu vì thời gian thực hiện quá ngắn.

c) Những kì vọng do cá nhân đặt ra nhưng vượt quá khả năng và mơ hồ vẫn được gọi là mục tiêu cá nhân.

d) Đặt ra mục tiêu là chưa đủ mà phải có kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các quan điểm, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Đọc nhận định và xây dựng bản thuyết trình

a) Mục tiêu: HS hiểu được vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.

b) Nội dung: Em hãy đọc nhận định trong SGK tr. 39 để xây dựng bản thuyết trình về vai trò của việc xác định mục tiêu cá nhân.

c) Sản phẩm: Nội dung bài thuyết trình của HS về vai trò của việc xác định mục tiêu cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nhận định trong SGK tr. 39 và xây dựng bản thuyết trình về vai trò của việc xác định mục tiêu cá nhân:

Việc lập mục tiêu có sức mạnh bởi nó tạo ra sự tập trung. Nó mài sắc giấc mơ. Nó cho ta khả năng để chú trọng vào đúng hành động ta cần để đạt được mọi thứ ta khao khát trong đời. (Jim Rohn)

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nhận định, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong thuyết trình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết, rút ra những nội dung kết luận phù hợp.

Nhiệm vụ 3. Sắm vai để giải quyết tình huống

a) Mục tiêu: HS nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

b) Nội dung: Em hãy sắm vai để giải quyết các tình huống trong SGK tr. 40.

c) Sản phẩm: Tiểu phẩm của HS và câu trả lời về cách giải quyết phù hợp đối với mỗi tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành các nhóm, đọc các tình huống trong SGK tr. 40 và thảo luận, sắm vai để giải quyết tình huống.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận, sắm vai để giải quyết các tình huống.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 nhóm HS xung phong sắm vai để giải quyết tình huống.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những cách giải quyết tình huống phù hợp.

Nhiệm vụ 4. Xác định mục tiêu ngắn hạn, dài hạn trong học tập và lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu

a) Mục tiêu: HS nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

b) Nội dung: Em hãy xác định mục tiêu ngắn hạn, dài hạn trong học tập và lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, dài hạn trong học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS xác định mục tiêu ngắn hạn, dài hạn trong học tập và lên kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 2 – 3 HS chia sẻ về bản kế hoạch của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch của bản thân

a) Mục tiêu: HS xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

b) Nội dung: Em hãy xây dựng và thực hiện kế hoạch để hoàn thành mục tiêu của bản thân và chia sẻ kết quả thực hiện của mình.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch để hoàn thành mục tiêu bản thân và kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS xây dựng và thực hiện kế hoạch để hoàn thành mục tiêu của bản thân và chia sẻ kết quả thực hiện của mình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu. Tuỳ vào mục tiêu, HS có thể thực hiện ngay tại lớp hoặc về nhà để thực hiện.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 2 – 3 HS chia sẻ kết quả thực hiện của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá nội dung trình bày của HS.

Nhiệm vụ 2. Nêu hạn chế của bản thân và lập kế hoạch khắc phục

a) Mục tiêu: HS xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

b) Nội dung: Hãy nêu một hạn chế của bản thân mà em muốn khắc phục và lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó trong một tháng, sau đó chia sẻ kết quả với bạn.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch khắc phục một hạn chế của bản thân và kết quả thực hiện của HS sau một tháng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu một hạn chế của bản thân mà em muốn khắc phục và lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó trong một tháng, sau đó chia sẻ kết quả với bạn.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ sản phẩm và kết quả thực hiện của mình sau một tháng.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tích cực thực hiện kế hoạch của bản thân.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.; Hiểu rõ vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân; Nêu được chính xác, đầy đủ cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu cá nhân và kế hoạch hành động nhằm thực hiện mục tiêu đó một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân nhưng chưa hoàn toàn chính xác, đầy đủ; Hiểu được vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân nhưng chưa rõ ràng; Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân nhưng chưa đầy đủ; Xây dựng được mục tiêu cá nhân và kế hoạch hành động nhằm thực hiện mục tiêu đó nhưng chưa rõ ràng, hiệu quả chưa cao; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; chưa phân loại được các loại mục tiêu cá nhân; Chưa hiểu được vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân; Chưa nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Chưa xây dựng được mục tiêu cá nhân và kế hoạch hành động nhằm thực hiện mục tiêu đó; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 7

Phòng, chống bạo lực gia đình

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến.

– Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

– Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

– Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.

– Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh, video clip có nội dung liên quan đến việc phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Thử thách tranh tài*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể ra các hành động, việc làm nên và không nên thực hiện nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

c) Sản phẩm: Các hành động, việc làm nên và không nên thực hiện nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành hai nhóm và thi đua kể ra các hành động, việc làm nên và không nên thực hiện để xây dựng gia đình hạnh phúc.

*Thực hiện nhiệm vụ: HS có thời gian 3 phút để thảo luận nhanh và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS đại diện của từng nhóm phát biểu câu trả lời theo luân phiên trong một thời gian nhất định. Đội nào kể ra được nhiều hành động, việc làm nên và không nên thực hiện để xây dựng gia đình hạnh phúc hơn sẽ giành chiến thắng.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, công bố đội thắng cuộc và dẫn vào nội dung bài học:

Gia đình là nguồn cội của yêu thương, là chiếc nôi nuôi dưỡng nhân cách của mỗi người, là nơi chốn an toàn, đầy ắp những kỉ niệm khó quên. Các thành viên trong gia đình phải luôn quan tâm, chia sẻ, yêu thương, tôn trọng và gắn bó với nhau. Đặc biệt, mỗi thành viên cần phải có trách nhiệm chung tay đẩy lùi bạo lực gia đình để gia đình luôn là bến bờ của an vui và hạnh phúc.

Nhiệm vụ 2. Đọc câu ca dao, tục ngữ và rút ra ý nghĩa

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc các câu ca dao, tục ngữ trong SGK tr. 41 và rút ra ý nghĩa về mối quan hệ, ứng xử giữa các thành viên trong gia đình.

c) Sản phẩm: Ý nghĩa của mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các câu ca dao, tục ngữ trong SGK tr. 41 và rút ra ý nghĩa về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình:

– "Chồng giận thì vợ bớt lời
Cơm sôi bớt lửa chẳng đời nào khê".
– "Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau".
– "Cá không ăn muối cá ươn
Con cãi cha mẹ, trăm đường con hư".

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các câu ca dao, tục ngữ và rút ra ý nghĩa về mối quan hệ trong gia đình.

*Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: Các câu ca dao, tục ngữ nói về việc ứng xử giữa vợ – chồng cần phải có sự tôn trọng, khéo léo và phù hợp; các anh chị em trong gia đình cần yêu thương, bảo bọc lẫn nhau; con cái cần kính trọng, vâng lời cha mẹ. GV tổng kết, đánh giá và dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: *Phòng, chống bạo lực gia đình.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Quan sát hình ảnh, đọc trường hợp, thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến; phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh, đọc trường hợp và thông tin trong SGK tr. 41 – 42 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Các hình thức bạo lực gia đình và tác hại đối với cá nhân, gia đình, xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh, đọc thông tin, trường hợp trong SGK tr. 41 – 42 để thực hiện yêu cầu:

– Em hãy chỉ ra những hình thức bạo lực gia đình được thể hiện trong các hình ảnh và thông tin trên.

– Em hãy chỉ ra tác hại của hành vi bạo lực gia đình trong thông tin và trường hợp trên.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh, đọc thông tin, trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết nội dung: Các hình thức bạo lực gia đình phổ biến: bạo lực về thể chất, bạo lực về tinh thần, bạo lực về kinh tế, bạo lực về tình dục; Các tác hại của bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội: Bạo lực gia đình có thể xảy ra ở mọi nhà. Bạo lực có thể diễn ra giữa vợ – chồng, cha mẹ – con cái, anh chị em,… trong gia đình. Nếu các thành viên trong gia đình không có cách ứng xử phù hợp và khả năng quản lí cảm xúc thì có thể dẫn đến bạo lực. Có những trường hợp bạo lực được phát hiện và can thiệp nhờ hàng xóm hay những người xung quanh nên đã giảm được các hậu quả tiêu cực, đáng tiếc.

Bạo lực gia đình gây ra tác hại to lớn đối với cả người bị bạo lực lẫn người có hành vi bạo lực. Nó có thể dẫn đến sự tổn thương về thể chất, đặc biệt là về tinh thần, không chỉ ở hiện tại mà còn ở cả tương lai. Bạo lực làm rạn nứt hạnh phúc và tạo ra khoảng cách giữa các thành viên trong gia đình, có thể dẫn đến việc li hôn. Đối với xã hội, bạo lực gia đình ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội và việc xây dựng lối sống văn minh, hiện đại ở cộng đồng.

Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin và trường hợp trong SGK tr. 43 – 44 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Các hành vi vi phạm của chủ thể trong trường hợp và các quy định pháp luật khác về phòng, chống bạo lực gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin, trường hợp trong SGK tr. 43 – 44 và thực hiện yêu cầu:

– Dựa vào thông tin, nhận diện hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể trong trường hợp trên.

– Em hãy nêu những quy định pháp luật khác về phòng, chống bạo lực gia đình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận câu trả lời phù hợp (gợi ý: Nhân vật bố bạn V đã vi phạm Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Bạo lực gia đình có thể xảy ra ở mọi nhà. Bạo lực có thể diễn ra giữa vợ – chồng, cha mẹ – con cái, anh chị em,...).

Nhiệm vụ 3. Đọc và sắp xếp các hành động theo trình tự

a) Mục tiêu: HS biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Nội dung: Em hãy đọc và sắp xếp các hành động trong SGK tr. 44 – 45 theo trình tự trước, trong và sau khi xảy ra bạo lực gia đình.

c) Sản phẩm: Cách phòng, chống bạo lực gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các hành động trong SGK tr. 44 – 45 và sắp xếp theo trình tự trước, trong và sau khi xảy ra bạo lực gia đình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các hành động và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 bạn HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất:

– Trước khi xảy ra bạo lực: nhận diện nguy cơ xảy ra bạo lực để tìm đến chỗ an toàn.

– Trong khi xảy ra bạo lực: lên tiếng phản đối người có hành vi bạo lực một cách phù hợp, nhờ sự trợ giúp của người thân hoặc hàng xóm, báo cho cơ quan chức năng tại địa phương hoặc gọi điện cho Tổng đài Quốc gia Bảo vệ trẻ em 111.

– Sau khi xảy ra bạo lực: xem xét mức độ tổn thương (nếu có) để liên hệ với các cơ sở y tế điều trị.

Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS biết được cách phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr. 45 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Cách phòng, chống bạo lực gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr. 45 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy cho biết việc làm của bạn K có ý nghĩa gì trong việc phòng, chống bạo lực gia đình.

– Em hãy chỉ ra những việc bạn B đã làm để phòng, chống bạo lực gia đình.

– Em hãy kể thêm một số việc làm để phòng ngừa và ứng phó với bạo lực gia đình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận: Mỗi thành viên gia đình cần thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ của bản thân, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau để phòng, chống bạo lực gia đình. Khi còn ở độ tuổi HS, con cái cần chủ động học tập, tích cực làm việc nhà để phụ giúp cha mẹ, góp phần gắn kết giữa các thành viên trong gia đình với nhau.

– Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế, tình dục đối với thành viên khác trong gia đình.

– Bạo lực gia đình có các hình thức phổ biến sau:

+ Bạo lực thể chất: là hành vi ngược đãi, đánh đập thành viên gia đình, làm tổn thương tới sức khoẻ, tính mạng của họ.

+ Bạo lực tinh thần: là những lời nói, thái độ, hành vi làm tổn thương tới danh dự, nhân phẩm, tâm lí của thành viên gia đình.

+ Bạo lực kinh tế: là hành vi xâm phạm tới các quyền lợi về kinh tế của thành viên gia đình (quyền sở hữu tài sản, quyền tự do lao động,…).

+ Bạo lực tình dục: là hành vi mang tính chất cưỡng ép thành viên trong gia đình quan hệ tình dục, kể cả việc cưỡng ép mang thai, sinh con.

– Bạo lực gia đình để lại nỗi đau về thể chất và tinh thần cho người bị bạo lực cũng như người có hành vi bạo lực. Bạo lực gia đình làm cho cá nhân bị tổn thương về tâm lí, cơ thể và thậm chí là tính mạng; làm cho gia đình bị rạn nứt, đổ vỡ; làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn và văn minh của xã hội.

– Pháp luật đã quy định về phòng, chống bạo lực gia đình trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Trẻ em; Luật Bình đẳng giới;...

– Để phòng, chống bạo lực gia đình, mỗi thành viên trong gia đình cần: yêu thương, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau; thực hiện tròn bổn phận và nghĩa vụ của mình; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về gia đình.

– Các kĩ năng phòng, chống bạo lực gia đình:

+ Trước khi xảy ra bạo lực: nhận diện nguy cơ để tìm đến chỗ an toàn;

+ Trong khi xảy ra bạo lực: lên tiếng phản đối một cách phù hợp, nhờ sự trợ giúp của người thân, hàng xóm hoặc gọi Tổng đài Quốc gia Bảo vệ trẻ em 111;

+ Sau khi xảy ra bạo lực: xem xét mức độ tổn thương (nếu có) và liên hệ với các cơ sở y tế để điều trị và tìm cách hàn gắn mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

– Học sinh cần phê phán hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng một cách phù hợp với hoàn cảnh, lứa tuổi.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm về các ý kiến

a) Mục tiêu: HS kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến; phê phán được các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.

b) Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào trong SGK tr. 46? Vì sao?

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS đối với các ý kiến liên quan đến việc phòng, chống bạo lực gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và thể hiện, bảo vệ quan điểm đối với những ý kiến liên quan đến bạo lực gia đình:

a) Vợ, chồng xô xát không phải là bạo lực gia đình.

b) Bố mẹ có quyền đánh con khi con không vâng lời.

c) Người chồng có quyền kiểm soát về kinh tế trong gia đình.

d) Bạo lực gia đình là chuyện nội bộ, không ảnh hưởng đến xã hội.

e) Bạo lực gia đình không chỉ ảnh hưởng ở hiện tại mà hệ luỵ kéo dài đến cả tương lai.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các ý kiến và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời, bày tỏ và bảo vệ quan điểm cá nhân.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến, quan điểm phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Phân tích tác hại của bạo lực gia đình

a) Mục tiêu: HS phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

b. Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 46 – 47 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Tác hại của bạo lực gia đình trong các trường hợp cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 46 – 47 và phân tích tác hại của bạo lực gia đình đối với bạn Ph, bạn N và các thành viên gia đình của hai bạn ấy.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. Cụ thể: Trường hợp 1: Hành vi bạo lực của bố bạn Ph đã làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, làm cho mẹ bạn bị tổn thương và phải bỏ về nhà ngoại để sống. Đồng thời, bạn Ph cũng bị tổn thương và ảnh hưởng đến việc học. Trường hợp 2: Hành vi của mẹ bạn N đã làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, có tâm lí khó chịu, làm cho không khí trong gia đình trở nên bức bối. Bố bạn N bị tổn thương và có nguy cơ tan vỡ gia đình nếu mẹ bạn N không thay đổi.

Nhiệm vụ 3. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 47 – 48 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS đưa ra cách ứng phó phù hợp trong từng tình huống cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 47 – 48 và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1:

+ *Em nhận xét như thế nào về hành vi của bạn X?*

+ *Nếu là bạn thân của bạn X và biết chuyện này, em sẽ tư vấn cho bạn X như thế nào?*

– Tình huống 2: *Theo em, bạn P nên ứng xử như thế nào để không bị bạo lực gia đình?*

– Tình huống 3:

+ *Theo em, gia đình bạn X đã làm gì để không xảy ra bạo lực gia đình?*

+ *Em rút ra được bài học gì để áp dụng cho bản thân và gia đình mình?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các tình huống, suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. Cụ thể: Trường hợp 1: Hành vi của bạn X ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của em gái cũng như mối quan hệ của hai chị em. Khi bố mẹ của bạn X biết, bạn X có thể bị trách phạt vì hành vi của mình. Bạn X nên học cách kiểm soát cảm xúc của mình, cố gắng để hiểu và chơi với em gái nhiều hơn; Trường hợp 2: Bạn P nên chia sẻ với bố và mẹ ruột về cảm xúc, suy nghĩ của mình một cách chân thành, nhẹ nhàng để bố mẹ có sự can thiệp phù hợp. Bạn P cũng có thể chia sẻ thẳng thắn với dì. Nếu tình hình không thay đổi, bạn P có thể trao đổi với những người thân trong gia đình hoặc nhờ sự trợ giúp của các cơ quan chức năng ở địa phương; Trường hợp 3: Các thành viên trong gia đình cần làm tròn trách nhiệm của mình, luôn quan tâm, chia sẻ, yêu thương và hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, cần dành thời gian bên nhau để hiểu và gắn kết với nhau nhiều hơn.

Nhiệm vụ 4. Sắm vai để xử lí tình huống

a) Mục tiêu: HS biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Nội dung: Em hãy sắm vai và xử lí tình huống trong SGK tr. 48.

c) Sản phẩm: Hoạt động sắm vai và cách giải quyết tình huống của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr. 48, thảo luận nhóm, sắm vai để giải quyết tình huống.

* Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận, sắm vai và đưa ra các giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình hiệu quả với tình huống.

* Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm lên sắm vai, GV quan sát và theo dõi phần sắm vai của các nhóm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những cách phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp với tình huống. Bạn N có thể chia sẻ với bố mẹ về suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách nhẹ nhàng và chân thành để bố mẹ hiểu được việc bạo lực sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến con cái và các thành viên khác trong gia đình. Nếu đủ thân thiết, bạn N cũng có thể tâm sự với chú ấy một cách nhẹ nhàng. Ngoài ra, bạn N có thể chia sẻ với ông bà và người thân để mọi người cùng tham gia chia sẻ, hoà giải để hàn gắn tình cảm giữa bố mẹ và chú. Bản thân bạn N cũng cần cố gắng học tốt để bố mẹ yên tâm hơn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thực hiện sản phẩm tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình

a) Mục tiêu: HS biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Nội dung: Em hãy cùng với bạn làm một sản phẩm (báo tường, cẩm nang/ sổ tay bằng giấy hoặc điện tử,...) để tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình.

c) Sản phẩm: Minh chứng các sản phẩm tuyên truyền của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hợp tác cùng bạn để làm một sản phẩm (báo tường, cẩm nang/ sổ tay bằng giấy hoặc điện tử,...) nhằm tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình, đảm bảo các yêu cầu sau:

– Nêu ra các tác hại của bạo lực gia đình.

– Chỉ ra các cách phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp với HS.

– Thông tin về địa chỉ, số điện thoại của các tổ chức, cá nhân để có thể phản ánh thông tin về bạo lực gia đình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày, chia sẻ về sản phẩm đã thực hiện.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm HS.

Nhiệm vụ 2. Phân tích nguyên nhân, hậu quả của một trường hợp và đề xuất biện pháp phù hợp

a) Mục tiêu: HS phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội; biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Nội dung: Em hãy chọn một trường hợp bạo lực gia đình để phân tích nguyên nhân, hậu quả, rút ra bài học về những biện pháp để phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp.

c) Sản phẩm: Nội dung phân tích về nguyên nhân, hậu quả của một trường hợp bạo lực gia đình và những biện pháp đề xuất để phòng, chống bạo lực gia đình của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chọn một trường hợp bạo lực gia đình mà em biết hoặc đã được đăng tải trên các kênh thông tin đại chúng để làm sơ đồ phân tích nguyên nhân, hậu quả; đề xuất các biện pháp và các cách phòng, chống bạo lực gia đình hiệu quả.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày, chia sẻ nội dung bài phân tích của mình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và gợi ý cho HS những biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình một cách phù hợp.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Kể được đầy đủ các hình thức bạo lực gia đình; Phân tích được đầy đủ, chính xác tác hại của bạo lực gia đình đối với bản thân, gia đình và xã hội; Nêu được đầy đủ một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình hiệu quả; Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng một cách phù hợp; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Kể được các hình thức bạo lực gia đình nhưng chưa đầy đủ; Phân tích được tác hại của bạo lực gia đình đối với bản thân, gia đình và xã hội nhưng chưa đầy đủ; Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình nhưng chưa đầy đủ; Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình nhưng chưa thật sự hiệu quả; Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng nhưng chưa phù hợp; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa kể được các hình thức bạo lực gia đình; Chưa phân tích được tác hại của bạo lực gia đình đối với bản thân, gia đình và xã hội; Chưa nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; Chưa biết cách phòng, chống bạo lực gia đình; Không có khả năng phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 8

Lập kế hoạch chi tiêu

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

– Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu.

– Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.

– Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

– Trung thực.

– Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh, video clip có nội dung về việc lập kế hoạch chi tiêu.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Hiểu ý đồng đội*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy suy đoán để tìm ra các từ khoá liên quan đến nội dung lập kế hoạch chi tiêu.

c) Sản phẩm: Các từ khoá liên quan đến lập kế hoạch chi tiêu.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– Phổ biến thể lệ: GV chia lớp thành hai đội, mỗi đội cử ra hai HS đại diện để tham gia trò chơi. Hai người chơi sẽ đối mặt với nhau, một người sẽ được nhìn từ khoá do GV đưa ra, sau đó, diễn đạt bằng lời nói, hành động để đồng đội của mình đoán được từ khoá. Thời gian thực hiện của mỗi đội là 2 phút tương ứng với bốn từ khoá. Hết thời gian, đội nào trả lời đúng được nhiều từ khoá hơn sẽ giành chiến thắng.

– Gợi ý các từ khoá:

+ Từ khoá 1: Chi tiêu.

+ Từ khoá 2: Kế hoạch.

+ Từ khoá 3: Hợp lí.

+ Từ khoá 4: Tiết kiệm.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: *Lập kế hoạch chi tiêu.*

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh trong SGK tr. 49 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Ý nghĩa của việc lập kế hoạch chi tiêu.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 49 và trả lời câu hỏi:

– Hình ảnh chiếc xô bị thủng làm cho em liên tưởng đến điều gì trong quản lí chi tiêu?

– Em đã quản lí tốt chi tiêu của mình chưa? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS phát biểu câu trả lời và lồng ghép với chủ đề lập kế hoạch chi tiêu.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học : Kế hoạch chi tiêu là tập hợp những hành động sử dụng tiền một cách phù hợp và hiệu quả.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr. 50 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS giải thích vì sao cần phải lập kế hoạch chi tiêu.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr. 50 và trả lời câu hỏi:

– Bạn T đã quản lí chi tiêu của mình như thế nào?

– Theo em, vì sao cần phải lập kế hoạch chi tiêu?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung kết luận: Việc lập kế hoạch chi tiêu sẽ giúp quản lí tài chính cá nhân một cách hiệu quả, phát hiện được những lỗ hổng trong việc sử dụng tài chính và việc chi tiêu không hợp lí.

Nhiệm vụ 2. Đọc nội dung các bước lập kế hoạch chi tiêu và trường hợp để thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu; giúp đỡ được bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

b) Nội dung: Em hãy đọc nội dung các bước lập kế hoạch chi tiêu và trường hợp trong SGK tr. 50 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Cách lập kế hoạch chi tiêu hợp lí, phù hợp với bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung các bước lập kế hoạch chi tiêu và trường hợp trong SGK tr. 50 để thực hiện các yêu cầu:

– Em hãy sắp xếp thứ tự các bước lập kế hoạch chi tiêu sao cho hợp lí.

– Em hãy giúp bạn A lập kế hoạch chi tiêu trong trường hợp trên.

– Em hãy kể thêm những cách lập kế hoạch chi tiêu khác mà em biết.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nội dung các bước lập kế hoạch chi tiêu và trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp: Các bước lập kế hoạch chi tiêu hợp lí là:

– Xác định mục tiêu và thời hạn thực hiện dựa trên nguồn lực hiện có.

– Xác định các khoản cần chi.

– Thiết lập nguyên tắc thu chi.

– Thực hiện kế hoạch chi tiêu.

– Kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch chi tiêu.

Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 51 – 52 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Cách chi tiêu phù hợp với bản thân và những yêu cầu cơ bản khi lập kế hoạch chi tiêu.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 51 – 52 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy chọn cách chi tiêu phù hợp với bản thân và giải thích vì sao.

– Em hãy liệt kê những yêu cầu cơ bản khi lập kế hoạch chi tiêu.

– Em hãy nêu những thói quen chi tiêu hợp lí mà em biết.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất: Để lập kế hoạch chi tiêu cần thực hiện một trong các cách như: Cách chi tiêu: 6 chiếc lọ; Cách chi tiêu: 50 – 20 – 30; Thói quen chi tiêu hợp lí như: Xác định đúng nhu cầu sử dụng; Luôn theo dõi các khoản chi; Tiết kiệm trước, chi tiêu sau.

– Kế hoạch chi tiêu là tập hợp những hành động sử dụng tiền một cách phù hợp và hiệu quả.

– Lập kế hoạch chi tiêu sẽ giúp quản lí tiền một cách hiệu quả, phát hiện được những điểm chưa đúng trong việc sử dụng tài chính, chi tiêu không hợp lí. Kế hoạch chi tiêu còn giúp định hướng tương lai, phân bổ tiền phù hợp và đạt được các mục tiêu tài chính.

– Để lập kế hoạch chi tiêu, cần thực hiện theo các bước sau:

+ Xác định mục tiêu và thời hạn thực hiện dựa trên nguồn lực hiện có.

+ Xác định các khoản cần chi.

+ Thiết lập nguyên tắc thu chi.

+ Thực hiện kế hoạch chi tiêu.

+ Kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch chi tiêu.

– Học sinh phải rèn luyện những thói quen chi tiêu tốt và lập được kế hoạch chi tiêu cho cá nhân một cách phù hợp. Ngoài ra, cần giúp đỡ người thân, bạn bè lập kế hoạch chi tiêu hợp lí trong khả năng của mình.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

b) Nội dung: Em hãy bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến trong SGK tr. 52.

c) Sản phẩm: Những quan điểm của HS về các ý kiến trong SGK tr. 52.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và thể hiện quan điểm với những ý kiến trong SGK tr. 52:

a) Lập kế hoạch chi tiêu chỉ dành cho những người lớn đã đi làm kiếm tiền.

b) Lập kế hoạch chi tiêu rất mất thời gian và tạo ra sự khó chịu khi sử dụng tiền.

c) Các thói quen chi tiêu hợp lí sẽ giúp ta đạt được mục tiêu tài chính cá nhân.

d) Kế hoạch chi tiêu cần cụ thể và thực hiện nghiêm túc.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động theo nhóm, thảo luận và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS đại diện các nhóm để phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Các thói quen chi tiêu hợp lí sẽ giúp ta đạt được mục tiêu tài chính cá nhân; Kế hoạch chi tiêu cần cụ thể và thực hiện nghiêm túc.

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí; giúp đỡ được bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr. 53 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS về hành động của nhân vật trong tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr. 53 và trả lời câu hỏi:

– Em có đồng tình với hành động của bạn K không? Vì sao?

– Nếu là bạn của bạn K, em sẽ tư vấn cho bạn như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng hợp các câu trả lời phù hợp: Không đồng tình với hành động của bạn K vì bạn ấy đang tiêu xài hoang phí, không điểm dừng.

Nhiệm vụ 3. Sắm vai để giải quyết tình huống

a) Mục tiêu: HS nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu; giúp đỡ được bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

b) Nội dung: Em hãy cùng bạn sắm vai và xử lí các tình huống trong SGK tr. 53.

c) Sản phẩm: Tiểu phẩm của HS và câu trả lời về cách giải quyết phù hợp đối với mỗi tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành các nhóm, đọc các tình huống trong SGK tr. 53 và thảo luận, sắm vai để giải quyết tình huống, trả lời các câu hỏi:

– Tình huống 1: *Nếu là bạn M, em sẽ tư vấn cho bạn A và bạn B như thế nào?*

– Tình huống 2: *Nếu là bạn thân của bạn H, em sẽ nhắc nhở bạn H chi tiêu như thế nào cho hợp lí?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm, thảo luận, sắm vai, suy nghĩ và đưa ra cách giải quyết các tình huống sao cho phù hợp.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 nhóm xung phong lên sắm vai để giải quyết các tình huống và mời các HS khác góp ý.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những cách giải quyết tình huống phù hợp.

Nhiệm vụ 4. Lập kế hoạch chi tiêu để thực hiện một mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu: HS lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.

b) Nội dung: Em hãy lập kế hoạch chi tiêu theo năm bước để thực hiện một mục tiêu cụ thể (tổ chức sinh nhật, mua quà,...).

c) Sản phẩm: Kế hoạch chi tiêu hợp lí, phù hợp với bản thân HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lập kế hoạch chi tiêu theo năm bước để thực hiện một mục tiêu cụ thể (tổ chức sinh nhật, mua quà,...).

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện lập kế hoạch chi tiêu theo gợi ý, hướng dẫn của GV.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS trình bày kế hoạch chi tiêu của bản thân.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét , đánh giá và đưa ra các góp ý, cách điều chỉnh phù hợp cho bảng kế hoạch của HS.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Tự đánh giá và điều chỉnh bản thân

a) Mục tiêu: HS lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.

b) Nội dung: Em hãy tự đánh giá thói quen chi tiêu của bản thân và điều chỉnh sao cho hợp lí.

c) Sản phẩm: Nội dung đánh giá thói quen chi tiêu và cách điều chỉnh chi tiêu của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tự đánh giá thói quen chi tiêu của bản thân và đề xuất các cách điều chỉnh sao cho hợp lí.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ kết quả tự đánh giá và các đề xuất để điều chỉnh thói quen chi tiêu của bản thân.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra những cách điều chỉnh chi tiêu phù hợp cho HS.

Nhiệm vụ 2. Xây dựng kế hoạch chi tiêu

a) Mục tiêu: HS lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.

b) Nội dung: Em hãy chọn một bạn trong lớp để giúp nhau xây dựng kế hoạch chi tiêu và nhắc nhở nhau thực hiện trong một tháng.

c) Sản phẩm: Kế hoạch chi tiêu hợp lí của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chọn một bạn trong lớp để giúp nhau xây dựng kế hoạch chi tiêu và nhắc nhở nhau thực hiện trong một tháng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện nhiệm vụ được giao.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ bảng kế hoạch chi tiêu của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tích cực, sáng tạo trong việc lập kế hoạch chi tiêu hợp lí, phù hợp với bản thân.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu, cách lập kế hoạch chi tiêu; Thực hiện được việc lập kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí; Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu, cách lập kế hoạch chi tiêu nhưng còn chưa đầy đủ; Thực hiện được việc lập kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí nhưng chưa hiệu quả; Giúp đỡ bạn bè, người thân lập được kế hoạch chi tiêu nhưng chưa hợp lí ; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu, cách lập kế hoạch chi tiêu; Chưa thực hiện được việc lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí; Không có khả giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 9

Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Kể tên được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.

– Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.

– Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm của bản thân trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh, video clip có nội dung về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Thử thách đối đầu*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy nêu các suy nghĩ, thái độ và hành vi có liên quan đến việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Sản phẩm: Biểu hiện, suy nghĩ, thái độ và hành vi phù hợp có liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành hai nhóm và nêu các suy nghĩ, thái độ, hành vi có liên quan đến việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

– Nhóm 1: Nêu các biểu hiện, suy nghĩ, thái độ và hành vi chưa phù hợp có liên quan đến việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Nhóm 2: Nêu các biểu hiện, suy nghĩ, thái độ và hành vi phù hợp có liên quan đến việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

*Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận nhanh, lấy ý kiến tổng hợp và tham gia trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS của từng nhóm phát biểu câu trả lời hoặc ghi kết quả tổng hợp lên bảng.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, công bố kết quả nhóm thắng cuộc và dẫn vào nội dung bài học. Cụ thể: Suy nghĩ: Cá nhân và cộng đồng cần chung tay, góp sức trong việc phòng, ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Thái độ: Chủ động phòng, ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Hành vi: Trong gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội.

Nhiệm vụ 2. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 54 và cho biết nếu cá nhân thực hiện sẽ dẫn đến nguy cơ gì.

c) Sản phẩm: Những nguy cơ tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong các hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu: *Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 54 và cho biết nếu cá nhân thực hiện sẽ dẫn đến những nguy cơ gì đối với bản thân và những người xung quanh.*

*Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

*Tổ chức điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ hiểu biết của bản thân khi thực hiện những hành vi được mô tả trong hình ảnh sẽ dẫn đến những nguy cơ gây ra các về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học (gợi ý: Nếu cá nhân thực hiện các hành vi như trong các hình ảnh sẽ có khả năng dẫn đến các nguy cơ: Nổ mìn, cháy, ngộ độc thực phẩm).

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin, trường hợp trong SGK tr. 55 – 56 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Một số hành vi, việc làm có nguy cơ dẫn đến tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin, trường hợp trong SGK tr. 55 – 56 và trả lời câu hỏi:

– Hãy kể thêm một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại mà em biết.

– Em có nhận xét như thế nào về tình hình tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại qua các thông tin 1 và 2? Các vụ tai nạn ở thông tin 3 và trường hợp 1 gây ra những thiệt hại như thế nào?

– Theo em, hành vi, việc làm của anh A và bà B có nguy cơ dẫn đến tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại không?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin, trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận về những nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại cũng như kể một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

– Một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại: bom, mìn nổ; bình gas nổ; nhiễm chất phóng xạ, chất độc da cam; nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật, thuỷ ngân;…

– Nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Tai nạn vũ khí: Cưa bom mìn, sử dụng vũ khí tự chế,…

+ Tai nạn cháy, nổ: Để các đồ dễ bắt lửa sát các đồ tạo nhiệt, chập điện, sử dụng chất nổ trái phép, chất phóng xạ,…

+ Ngộ độc thực phẩm: Sử dụng chất bảo quản, chất phụ gia thực phẩm; kim loại nặng lẫn trong thực phẩm; thực phẩm bị nấm mốc, ôi thiu;…

Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin, trường hợp trong SGK tr. 56 – 58 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Các quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. Đồng thời, nhận xét về các hành vi của bà C, anh V và anh A.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin, trường hợp trong SGK tr. 56 – 58 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nêu các quy định pháp luật khác về phòng, chống tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Em hãy nêu nhận xét về hành vi của bà C, anh V và anh A.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin, trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá những câu trả lời phù hợp nhất và cùng HS rút ra những nội dung kiến thức liên quan đến yêu cầu cần đạt của hoạt động:

– Quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Cấm tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép các loại vũ khí, các chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại.

+ Chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao nhiệm vụ và cho phép mới được giữ, chuyên chở và sử dụng vũ khí, chất cháy, chất phóng xạ, chất độc hại.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo quản, chuyên chở và sử dụng vũ khí, cháy, nổ, chất phóng xạ, chất độc hại phải được huấn luyện về chuyên môn, có đủ phương tiện cần thiết và luôn tuân thủ quy định về an toàn.

Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr. 59 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Các ý kiến thể hiện trách nhiệm của HS trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr. 59 và trả lời câu hỏi:

– Em có nhận xét như thế nào về ý kiến của các bạn trong trường hợp trên?

– Theo em, công dân có trách nhiệm gì trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– Trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Tự giác tìm hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

+ Tuyên truyền, vận động bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định.

+ Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định trên.

Nhiệm vụ 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhắc nhở, tuyên truyền được người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 59 – 60 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nội dung về các mục đích và những yêu cầu để thực hiện phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 59 – 60 và trả lời câu hỏi:

– Trường hợp 1: *Anh T và anh K đã thực hiện việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ, như thế nào?*

– Trường hợp 2: *Anh D đã thực hiện việc phòng ngừa tai nạn phòng cháy, chữa cháy tại gia đình như thế nào?*

– Trường hợp 3: *Gia đình bạn B đã thực hiện việc phòng ngừa tai nạn các chất độc hại như thế nào?*

– Trường hợp 4: *Là HS, em có thể làm gì để nhắc nhở người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi thông qua kĩ thuật dạy học tia chớp dưới sự hướng dẫn, tổ chức của GV.

* Tổ chức, điều hành: GV mời ngẫu nhiên một vài bạn HS trong lớp để trả lời câu hỏi với yêu cầu nhanh, ngắn gọn theo đúng yêu cầu của kĩ thuật dạy học tia chớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá những câu trả lời phù hợp nhất và cùng HS rút ra những nội dung kiến thức liên quan đến yêu cầu cần đạt của hoạt động:

– Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Đối với tai nạn bom, mìn: Không cưa, đục, mở, tháo chốt.

+ Đối với tai nạn phòng cháy, chữa cháy: Trang bị các phương tiện chữa cháy, kiểm tra, khắc phục kịp thời nguy cơ cháy, nổ.

+ Đối với tai nạn ngộ độc thực phẩm: Thực hiện việc ăn chín, uống sôi, vệ sinh sạch sẽ, không sử dụng phẩm màu, hoá chất, phụ gia độc hại trong bảo quản, sản xuất và chế biến thực phẩm.

– HS phải tích cực phòng ngừa và chủ động nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

– Một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại: bom, mìn nổ; bình gas nổ; nhiễm chất phóng xạ, chất độc da cam; nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật, thuỷ ngân;…

– Nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Tai nạn vũ khí: Cưa bom mìn, sử dụng vũ khí tự chế,…

+ Tai nạn cháy, nổ: Để các đồ dễ bắt lửa sát các đồ tạo nhiệt, chập điện, sử dụng chất nổ trái phép, chất phóng xạ,…

+ Ngộ độc thực phẩm: Sử dụng chất bảo quản, chất phụ gia thực phẩm; kim loại nặng lẫn trong thực phẩm; thực phẩm bị nấm mốc, ôi thiu;…

– Hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại: Ảnh hưởng đến sức khoẻ; thiệt hại tài sản gia đình, cá nhân, xã hội; ô nhiễm môi trường; chết người;…

– Quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Cấm tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép các loại vũ khí, các chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại.

+ Chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao nhiệm vụ và cho phép mới được giữ, chuyên chở và sử dụng vũ khí, chất cháy, chất phóng xạ, chất độc hại.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo quản, chuyên chở và sử dụng vũ khí, cháy, nổ, chất phóng xạ, chất độc hại phải được huấn luyện về chuyên môn, có đủ phương tiện cần thiết và luôn tuân thủ quy định về an toàn.

– Trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Tự giác tìm hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

+ Tuyên truyền, vận động bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định.

+ Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định trên.

– Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Đối với tai nạn bom, mìn: Không cưa, đục, mở, tháo chốt.

+ Đối với tai nạn phòng cháy, chữa cháy: Trang bị các phương tiện chữa cháy, kiểm tra, khắc phục kịp thời nguy cơ cháy, nổ.

+ Đối với tai nạn ngộ độc thực phẩm: Thực hiện việc ăn chín, uống sôi, vệ sinh sạch sẽ; không sử dụng phẩm màu, hoá chất, phụ gia độc hại trong bảo quản, sản xuất và chế biến thực phẩm.

– Học sinh phải tích cực phòng ngừa và chủ động nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đưa ra quan điểm đối với các ý kiến trong SGK tr. 62.

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS về các ý kiến trong SGK tr. 62.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến trong SGK tr. 62, thảo luận cùng bạn bên cạnh và đưa ra quan điểm của bản thân:

a) Có thể sử dụng mọi loại hoá chất để bảo quản, chế biến thực phẩm.

b) Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại chỉ ảnh hưởng đến môi trường.

c) Vũ khí và các chất độc hại được phép tàng trữ, vận chuyển, buôn bán.

d) HS nên tự giác tìm hiểu và thực hiện pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các ý kiến và đưa ra quan điểm của bản thân.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 5 – 6 HS xung phong phát biểu câu trả lời, đưa ra quan điểm cá nhân cho từng ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp (gợi ý: quan điểm đúng: b, d; quan điểm sai: a, c).

Nhiệm vụ 2. Đọc các hành vi và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đọc các hành vi trong SGK tr. 62 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS được trình bày nội dung về nguy cơ, hậu quả của các hành vi trên tờ giấy A3 thông qua kĩ thuật khăn trải bàn.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành bốn nhóm, đọc các hành vi trong SGK tr. 62 và thực hiện yêu cầu (GV yêu cầu HS viết câu trả lời trên giấy và trình bày trước lớp):

– Em hãy nhận diện nguy cơ của các hành vi trên.

– Em hãy phân tích hậu quả có thể xảy ra của từng hành vi.



* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, thảo luận nhóm và viết câu trả lời của nhóm lên trên tờ giấy A3.

* Tổ chức, điều hành: GV mời các HS đại diện của bốn nhóm lên bảng để trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– Nhận diện nguy cơ từ các hành vi:

+ Hút thuốc lá tại trạm xăng dầu dẫn đến nguy cơ tai nạn cháy, nổ.

+ Tiêm hoá chất độc hại vào cá, tôm,... dẫn đến nguy cơ ngộ độc thực phẩm.

+ Sử dụng phẩm màu dẫn đến nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm.

+ Xả chất thải chưa qua xử lí dẫn đến nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, đất và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của con người.

– Hậu quả của các hành vi trên: ảnh hưởng đến sức khoẻ; tài sản gia đình, cá nhân, xã hội; gây ô nhiễm môi trường; chết người;…

Nhiệm vụ 3. Kể những nguy cơ có thể gây tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại có trong gia đình em

a) Mục tiêu: HS kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy kể những nguy cơ có thể gây tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại có trong gia đình em. Cho biết bản thân em cần làm gì để góp phần phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Sản phẩm: Những nguy cơ có thể gây tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại có trong gia đình và đưa ra được những việc làm góp phần phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kể những nguy cơ có thể gây tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại có trong gia đình mình và cho biết bản thân em cần làm gì để góp phần phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Nguy cơ có thể gây tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại có trong gia đình: Để các đồ dễ bắt lửa sát các đồ tạo nhiệt, chập điện, sử dụng chất nổ trái phép, chất phóng xạ,…; Ăn thực phẩm bị nấm mốc, ôi thiu,...; Việc làm góp phần phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại: Thực hiện việc ăn chín, uống sôi; vệ sinh sạch sẽ; không sử dụng phẩm màu, hoá chất, phụ gia độc hại trong bảo quản, sản xuất và chế biến thực phẩm; trang bị các thiết bị phòng cháy, chữa cháy;...

Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr. 62 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Nhận xét về việc làm của các nhân vật.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành bốn nhóm và yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr. 62 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nêu nhận xét về việc làm của bạn N khi thực hiện lời dặn dò của bố mẹ.

– Cho biết ngoài những việc làm trên, bạn N còn có thể làm gì và nhắc nhở em T như thế nào để chủ động phòng ngừa tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại.

* Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 HS đại diện các nhóm trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Việc làm của bạn N khi thực hiện lời dặn dò của bố mẹ thể hiện bạn ấy là người biết chủ động trong việc phòng ngừa tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại; Ngoài những việc làm trên, bạn N còn có thể thực hiện phòng ngừa tai nạn cháy, nổ và các chất độc hại thông qua việc thường xuyên kiểm tra và khoá bình gas khi không sử dụng, tắt điện trước khi ra khỏi nhà, sử dụng các loại thực phẩm sạch khi nấu ăn, tránh ăn các thực phẩm, dùng các thức uống không rõ nguồn gốc,...

Nhiệm vụ 5. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 63 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS tương ứng với mỗi tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành bốn nhóm, sau đó, đọc các tình huống và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1 (Nhóm 1, 2):

+ *Hành vi tàng trữ, đốt pháo có nguy cơ gây tai nạn không? Vì sao?*

+ *Nếu bạn G thực hiện hành vi đốt pháo thì có thể dẫn đến những hậu quả gì?*

+ *Em có lời khuyên như thế nào đối với bạn G?*

– Tình huống 2 (Nhóm 3, 4):

+ *Theo em, nếu bạn T và bạn H làm súng tự chế để bắn chim có vi phạm các quy định của pháp luật không? Vì sao?*

+ *Em có tán thành ý kiến của bạn H không? Vì sao?*

* Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm đọc tình huống được phân công và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 HS đại diện các nhóm trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Tình huống 1: Tàng trữ, đốt pháo có nguy cơ gây tai nạn nổ. Vì đây là hành vi cấm, nếu thực hiện sẽ gây thiệt hại về tài sản và con người; Hậu quả: thiệt hại về tài sản và có thể gây thương tích cho bản thân và người khác; Tình huống 2: Hành vi làm súng tự chế có vi phạm các quy định của pháp luật vì nếu được giám định kết luận là súng săn hoặc vũ khí thô sơ hoặc vũ khí thể thao thì người đó có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Chế tạo, sử dụng trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao"; Tán thành với ý kiến của bạn H vì hành vi làm và sử dụng súng tự chế có nguy cơ xảy ra tai nạn gây thiệt hại sức khoẻ, tính mạng của con người.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thực hiện các sản phẩm tuyên truyền

a) Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; nhắc nhở, tuyên truyền được người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy thiết kế tờ gấp có nội dung về các quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại để tuyên truyền cho các bạn HS trong trường của mình.

c) Sản phẩm: Tờ gấp tuyên truyền pháp luật có nội dung về các quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại để tuyên truyền cho các bạn HS trong trường của mình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà. GV yêu cầu HS chia lớp thành bốn nhóm và thực hiện nhiệm vụ: Thiết kế tờ gấp trên lớp hoặc ở nhà và trình bày sản phẩm trước lớp (có thể đưa sản phẩm lên Padlet.com (nếu được)).

* Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm dành thời gian để thực hiện yêu cầu (có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà).

*Tổ chức, điều hành: GV mời bốn nhóm trình bày sản phẩm trước lớp, sau đó, mời các bạn cùng tham gia đóng góp ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương các nhóm có sản phẩm thể hiện nội dung tuyên truyền tốt, phù hợp; động viên, khích lệ những nhóm có nội dung trình bày chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.

Nhiệm vụ 2. Xây dựng tiểu phẩm và sắm vai trước lớp

a) Mục tiêu: HS nhắc nhở, tuyên truyền được người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung: Em hãy làm việc nhóm để xây dựng một tiểu phẩm và sắm vai trước lớp với nội dung nhắc nhở người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Sản phẩm: Kịch bản tiểu phẩm và phần sắm vai của HS có nội dung về việc nhắc nhở người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà, yêu cầu HS chia lớp thành các nhóm nhỏ, sau đó, thảo luận và xây dựng kịch bản tiểu phẩm, sắm vai với nội dung về việc nhắc nhở người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

* Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm thực hiện sắm vai trên lớp và mời các HS khác tham gia đóng góp ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những nhóm có phần thể hiện và nội dung tuyên truyền tốt.

VI. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Kể tên được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Kể tên được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại nhưng chưa đầy đủ; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại nhưng chưa đầy đủ; Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại nhưng chưa đầy đủ; Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nhưng chưa đầy đủ; Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nhưng chưa đầy đủ; Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nhưng còn hạn chế; Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nhưng chưa thường xuyên; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa kể tên được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; chưa nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; Chưa trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; Chưa nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Chưa nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Chưa thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Chưa nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Bài 10

Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

– Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.

– Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

– Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm của bản thân trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.

+ Các tranh, hình ảnh thể hiện nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

2. Học sinh:

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Tốc độ*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy nêu những câu ca dao, tục ngữ nói về lao động.

c) Sản phẩm: Những câu ca dao, tục ngữ nói về lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV có thể tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.

– Phổ biến thể lệ: GV yêu cầu các cá nhân/ đội thi đua nêu một số câu ca dao, tục ngữ nói về lao động trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân/ đội nào nêu được nhiều câu ca dao, tục ngữ nhất sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả cá nhân/ đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: Một số câu ca dao, tục ngữ nói về lao động như: Ai ơi, bưng bát cơm đầy/ Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần; Rủ nhau đi cấy, đi cày/ Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu; Muốn cho lúa nảy bông to/ Cày sâu bừa kĩ phân tro cho nhiều; Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống;... Từ đó, GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: *Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.*

Nhiệm vụ 2. Đọc câu ca dao và rút ra ý nghĩa về lao động

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc và rút ra ý nghĩa của câu ca dao về lao động.

c) Sản phẩm: Ý nghĩa của câu ca dao.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu ca dao và rút ra ý nghĩa về lao động:

"Muốn no thì phải chăm làm,
Một hạt thóc vàng, chín giọt mồ hôi".

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu ca dao và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học (gợi ý: Lao động có ý nghĩa vô cùng quan trọng và to lớn trên khắp các mặt của đời sống, kinh tế, xã hội; Lao động tạo ra nguồn vật chất nuôi sống mỗi con người, gia đình và xã hội; Lao động là nguồn thu nhập chính đáng, giúp ổn định cuộc sống của con người; Lao động giúp phân công, tổ chức lao động hợp lí, giúp con người biết tính toán và sáng tạo để đạt năng suất, chất lượng hiệu quả nhất, giúp tiết kiệm và chi tiêu hợp lí.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 64 – 65 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Vai trò của lao động trong cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 64 – 65 và trả lời câu hỏi:

– Em có suy nghĩ gì về lao động của người nông dân, công nhân, bác sĩ, nhạc sĩ trong các hình ảnh trên?

– Theo em, lao động có vai trò như thế nào đối với đời sống con người?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận: Lao động của người nông dân tạo ra của cải vật chất, lao động của người công nhân tạo ra sản phẩm tiêu dùng, lao động của người bác sĩ là khám chữa bệnh cho tất cả mọi người, lao động của nhạc sĩ là sáng tác ra bài hát phục vụ nhu cầu ca hát của mọi người; Tầm quan trọng của lao động:

– Là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người.

– Là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.

Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.

b) Nội dung: Đọc các thông tin, trường hợp trong SGK tr. 65 – 68 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin, trường hợp trong SGK tr. 65 – 68 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nêu những quyền và nghĩa vụ khác về lao động của công dân.

– Em hãy cho biết, anh M có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật không.

– Em hãy cho biết việc chú T quyết định từ chối anh nhận Q vào làm việc có phù hợp theo quy định của pháp luật không.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin, trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá những câu trả lời phù hợp nhất và cùng HS rút ra những nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh:

– Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân:

+ Mọi công dân có quyền dùng sức lao động của mình để học nghề, tìm kiếm việc làm, lựa chọn nghề nghiệp đem lại thu nhập cho bản thân, gia đình và xã hội.

+ Mọi người đều có nghĩa vụ lao động để tự nuôi sống bản thân, nuôi sống gia đình, góp phần sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, duy trì và phát triển đất nước.

– Quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên: Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc, ở các nơi làm việc theo quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019.

Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia trong hợp đồng lao động.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin, trường hợp trong SGK tr. 69 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Những quyền và nghĩa vụ cơ bản khác của người lao động khi kí kết hợp đồng lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin, trường hợp trong SGK tr. 69 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nêu những quyền và nghĩa vụ cơ bản khác của người lao động khi kí kết hợp đồng lao động.

– Em hãy cho biết chị B có quyền được giao kết nhiều hợp đồng lao động cùng một lúc với nhiều người sử dụng lao động khác nhau không.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá những câu trả lời phù hợp nhất và cùng HS rút ra những nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh:

– Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người lao động:

+ Quyền lao động của người lao động: làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp; học nghề, nâng cao trình độ chuyên môn; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại công sở, nơi làm việc.

+ Nghĩa vụ lao động của người lao động: thực hiện hợp đồng lao động; chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động; thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

– Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động:

+ Quyền của người sử dụng lao động: tuyển dụng, bố trí, quản lí, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lí vi phạm kỉ luật lao động.

+ Nghĩa vụ của người sử dụng lao động: thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động. Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

Nhiệm vụ 4. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr. 70 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS gắn với tình huống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr. 70 và trả lời câu hỏi:

– Em hãy cho biết hành vi của ông A có vi phạm pháp luật lao động về việc sử dụng lao động chưa thành niên không. Vì sao?

– Em sẽ tư vấn cho Trần Văn T như thế nào để có thể tham gia lao động đúng luật?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Hành vi của ông A có vi phạm pháp luật lao động về việc sử dụng lao động chưa thành niên, vì em T chưa đủ tuổi lao động cho các công việc nặng nhọc tại xưởng của ông A; Em sẽ tư vấn cho bạn T nên trao đổi lại với ông A về việc phân công các công việc phù hợp với độ tuổi lao động của bạn ấy theo quy định của pháp luật, nếu không được thì bạn ấy có thể báo cho các cơ quan có thẩm quyền về điều này hoặc ngừng làm việc tại đây để đảm bảo sức khoẻ.

– Tầm quan trọng của lao động:

+ Là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người.

+ Là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.

– Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân:

+ Mọi công dân đều có quyền dùng sức lao động của mình để học nghề, tìm kiếm việc làm, lựa chọn nghề nghiệp đem lại thu nhập cho bản thân, gia đình và xã hội.

+ Mọi người đều có nghĩa vụ lao động để tự nuôi sống bản thân, nuôi sống gia đình, góp phần sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, duy trì và phát triển đất nước.

– Quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên: Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc, ở các nơi làm việc theo quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019.

– Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người lao động:

+ Quyền lao động của người lao động: làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp; học nghề, nâng cao trình độ chuyên môn; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại công sở, nơi làm việc.

+ Nghĩa vụ lao động của người lao động: thực hiện hợp đồng lao động; chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động; thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

– Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động:

+ Quyền của người sử dụng lao động: tuyển dụng, bố trí, quản lí, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lí vi phạm kỉ luật lao động.

+ Nghĩa vụ của người sử dụng lao động: thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động. Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

– Trách nhiệm học sinh phải tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.

b) Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến trong SGK tr. 71? Vì sao?

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS về các ý kiến trong SGK tr. 71.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến trong SGK tr. 71 và bày tỏ quan điểm đồng tình hay không đồng tình của bản thân:

a) Lao động có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của cá nhân.

b) Người lao động bị hạn chế chọn việc làm và nơi làm việc.

c) Người sử dụng lao động phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động.

d) Người lao động chưa thành niên được làm tất cả các công việc và ở bất cứ nơi làm việc nào.

e) HS nên tích cực tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các ý kiến và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời, bày tỏ quan điểm với từng ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp (gợi ý: Đồng tình với các ý kiến: a, c, e; Không đồng tình với các ý kiến: b, d).

Nhiệm vụ 2. Thuyết trình trước lớp về vị trí, tầm quan trọng của lao động trong cuộc sống

a) Mục tiêu: HS phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

b) Nội dung: Em hãy đọc nội dung trong SGK tr. 71 để xây dựng và thực hiện bài thuyết trình trước lớp về vị trí, tầm quan trọng của lao động trong cuộc sống.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS về vị trí, tầm quan trọng của lao động trong cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung thông tin trong SGK tr. 71 để xây dựng và thực hiện bài thuyết trình trước lớp về vị trí, tầm quan trọng của lao động trong cuộc sống.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nội dung thông tin và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp (gợi ý: Bố cục bài thuyết trình gồm: Mở bài, thân bài, kết luận. Phần nội dung bao gồm: Vị trí của lao động; Vai trò của lao động;...).

Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr. 72 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi:

– Theo em, chủ doanh nghiệp trong trường hợp này có đang thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sử dụng lao động không?

– Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, chị H có quyền từ chối làm việc không? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Chủ doanh nghiệp không thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, vi phạm Khoản 2 Điều 6 Bộ luật lao động năm 2019; Theo quy định của Bộ luật lao động năm 2019, chị H có quyền từ chối làm việc vì theo Khoản 1 Điều 5 thì người lao động có quyền từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe doạ trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ trong quá trình thực hiện công việc.

Nhiệm vụ 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động.

b) Nội dung: Theo em, trong các trường hợp trong SGK tr. 72, đâu là nghĩa vụ của người lao động? Vì sao?

c) Sản phẩm: Xác định được các nghĩa vụ của người lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 72, cho biết đâu là nghĩa vụ của người lao động và giải thích vì sao.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS xung phong phát biểu câu trả lời cho từng trường hợp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. Cụ thể: Câu a là nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động; Câu b là nghĩa vụ chấp hành kỉ luật lao động; Câu c là nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp; Câu d và e không phải là nghĩa vụ của người lao động.

Nhiệm vụ 5. Đọc các hành vi và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.

b) Nội dung: Em hãy cho biết hành vi nào vi phạm pháp luật lao động trong các trường hợp trong SGK tr. 72. Vì sao?

c) Sản phẩm: Xác định được những người có hành vi vi phạm pháp luật lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các hành vi trong SGK tr. 72 và cho biết hành vi nào vi phạm pháp luật lao động:

a) Thuê trẻ em 14 tuổi làm thợ may công nghiệp.

b) Không sử dụng, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm.

c) Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động.

d) Người lao động nghỉ việc dài ngày không có lí do.

e) Không trả đủ tiền công cho người lao động theo thoả thuận.

g) Tự ý đuổi việc người lao động khi chưa hết hạn hợp đồng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp (gợi ý: Tất cả các hành vi trên đều vi phạm pháp luật lao động).

Nhiệm vụ 6. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr. 73 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi:

– Nếu là HS Trường Trung học cơ sở M, em sẽ chủ động tham gia hoạt động này như thế nào? Vì sao?

– Vì sao HS Trường Trung học cơ sở M lại tích cực, tham gia hoạt động lao động cộng đồng của nhà trường?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Em sẽ chủ động tham gia hoạt động dọn dẹp, vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ xã K như mang chổi, mua sơn quét,... vì đây là hoạt động mang ý nghĩa "uống nước nhớ nguồn" do nhà trường phát động; Theo em, HS của Trường THCS M tích cực tham gia hoạt đồng này vì đây là hoạt động mang ý nghĩa giáo dục đạo đức truyền thống thể hiện sự biết ơn đối với các liệt sĩ đã ngã xuống vì nền độc lập dân tộc, đồng thời, khích lệ tinh thần lao động của HS, đóng góp cho cộng đồng.

Nhiệm vụ 7. Lập hợp đồng lao động

a) Mục tiêu: HS lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

b) Nội dung: Em hãy lập một hợp đồng lao động có nội dung đơn giản theo quy định của pháp luật.

c) Sản phẩm: Bản hợp đồng lao động đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lập một bản hợp đồng lao động theo các gợi ý sau:

– Tên, địa chỉ của người sử dụng lao động và họ tên, chức danh của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động;

– Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số thẻ Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người lao động;

– Công việc và địa điểm làm việc;

– Thời hạn của hợp đồng lao động;

– Mức lương theo công việc hoặc chức danh, hình thức trả lương, thời hạn trả lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác;

– Chế độ nâng bậc, nâng lương;

– Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;

– Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động;

– Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp;

– Chế độ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp,…

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc gợi ý và lập hợp đồng lao động theo yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS trình bày sản phẩm đã thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tổng kết. GV giúp các HS có nội dung thực hiện chưa phù hợp và gợi ý cách điều chỉnh (gợi ý: GV có thể tham khảo các hợp đồng thông dụng trong thực tế để hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ. Các hợp đồng như lao động, mua bán tài sản,...).

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Viết đoạn văn ngắn

a) Mục tiêu: HS phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

b) Nội dung: Hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 100 chữ) thể hiện suy nghĩ của em về vai trò của lao động đối với HS nói riêng và đời sống con người nói chung.

c) Sản phẩm: Bài viết của HS có nội dung thể hiện vai trò của lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà.

– Mỗi HS sẽ viết, nộp sản phẩm của mình cho GV hoặc đăng tải trên Padlet.com (tuỳ theo điều kiện và yêu cầu của GV).

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày bài viết trước lớp, sau đó, mời các HS khác cùng tham gia đóng góp ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt của HS; động viên, khích lệ những em làm chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh (gợi ý: GV hướng dẫn HS viết theo bố cục: Mở bài, thân bài, kết luận; Nội dung chủ yếu của bài viết là thể hiện suy nghĩ của em về vai trò của lao động).

Nhiệm vụ 2. Xây dựng kế hoạch hành động

a) Mục tiêu: HS tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.

b) Nội dung: Em hãy xây dựng kế hoạch để thực hiện lao động ở gia đình, trường, lớp, cộng đồng nhằm góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

c) Sản phẩm: HS xây dựng được xây dựng kế hoạch để thực hiện lao động ở gia đình, trường, lớp, cộng đồng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV có thể yêu cầu HS xây dựng kế hoạch để thực hiện lao động ở gia đình, trường, lớp, cộng đồng nhằm góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động của công dân (GV có thể cho HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà).

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

* Tổ chức và điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về bản kế hoạch của mình và mời các HS khác tham gia đóng góp ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những bạn HS có nội dung trình bày xuất sắc (gợi ý: GV hướng dẫn HS lập bảng kế hoạch theo thời gian biểu cụ thể từ thứ Hai đến Chủ nhật, cụ thể ở gia đình, ở trường, ở lớp và cộng đồng).

VI. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ, hành vi của HS khi thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

1. Hoàn thành tốt: Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người; Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên; Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động; Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Phân tích được tầm quan trọng của lao động nhưng chưa đầy đủ; Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên nhưng chưa đầy đủ; Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động nhưng chưa đầy đủ; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động nhưng chưa đầy đủ; Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi nhưng chưa thật sự hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người; Chưa nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên; Chưa nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; chưa lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động; Chưa tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 8 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 8, TẬP MỘT
   Sách giáo viên
2. NGỮ VĂN 8, TẬP HAI
   Sách giáo viên
3. TOÁN 8
   Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 8
   Friends Plus - Teacher's Guide
5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8
   Sách giáo viên
6. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8
   Sách giáo viên
7. TIN HỌC 8
   Sách giáo viên
8. CÔNG NGHỆ 8
   Sách giáo viên
9. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 8
   Sách giáo viên
10. ÂM NHẠC 8
    Sách giáo viên
11. MĨ THUẬT 8 (1)
    Sách giáo viên
12. MĨ THUẬT 8 (2)
    Sách giáo viên
13. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 8 (1)
    Sách giáo viên
14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 8 (2)
    Sách giáo viên

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-35258-3

9 786040 352583

Giá: ..... đ